

# PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 311, NĂM THỨ 25

THÁNG 6-2020



Điện Tử Thư (E-Mail): [huynhaitong@gmail.com](mailto:huynhaitong@gmail.com)  
Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphathoc.org>



## NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

**PHÚC TRUNG**

Thủ Quỹ:

**DIỆU LAN**

Kiểm Soát:

**PHƯỚC SƠN**

Ban Biên Tập:

**BÌNH ANSON**

**CHÂN ĐẠI LƯỢNG**

**MINH HÒA**

**NHÂN CA**

**TÂM KHÔNG**

**TÂM TUỆ TỈNH**

**TUỆ VIÊN**

Cộng Tác:

**CHÍNH HẠNH**

**HÀN TRÚC**

**HỒNG DƯƠNG**

**MINH CHÁNH**

**MINH ĐỨC**

**TRẦN TRUNG ĐẠO**

Kỹ Thuật:

**MINH HÒA**

**NHÂN CA**

# Mục Lục

<u>Cầu nguyện</u>	BBT	3
<u>Thất sự Thiên định là gì ?</u>	Hoang Phong chuyển ngữ	4
<u>Pháp Cú 363</u>	HT. Thích Minh Châu dịch	13
<u>Cuối mùa dịch</u>	Bs Minh Ngọc NYU Winthrop Hospital	14
<u>Hư Hư Lục: Thuần nghịch</u>	Thích Nữ Như Thủy	16
<u>Đàn voi lã lôi đưa tiễn ân nhân ...</u>	Thanh Tâm (Tổng hợp)	17
<u>Thơ Nhập định</u>	Phổ Đồng	19
<u>Hội Phật Học Nam Việt và Chùa Xá Lợi</u>	Tổng Hồ Cẩm	19
<u>Phật Giáo Ấn Độ bày tỏ sự lo ngại ...</u>	Thích Vân Phong	30

Tranh bìa

**Hoa Sen**

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có**

**bài đăng trong**

**Nguyệt San Phật Học**

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

**Ban Biên Tập**

**Nguyệt San Phật Học**

## Cầu nguyện

Trong một buổi tụng kinh nào cũng vậy, cuối cùng có phần Phục nguyện, nôm na đó là Nguyện thêm. Thông thường chư vị chủ lễ thường cầu nguyện:

Nguyện cho Phong điều, vũ thuận, quốc thái dân an, tứ phương bình tịnh can qua. Gia gia vô cơ cảnh chi niên, Xứ xứ hưởng thái bình Nghiêu Thuấn nhựt.

Nói chung ý nghĩa là cầu cho mưa thuận gió hòa, nước nhà an lạc, các nơi đều an lành, không có chiến tranh. Nhà nhà không bị nghèo khó quanh năm, các nơi đều được hưởng thái bình an lạc như đời xưa bên Tàu vào đời vua Nghiêu vua Thuấn hưởng thái bình, không sợ thiếu ăn, người người sống chân thật, không tham lam, nên không tranh giành gây chiến tranh, không có trộm cướp, nhà không cần đóng cửa cài then.

Chiến tranh làm cho người ta chết nhiều chẳng những binh sĩ ở ngoài mặt trận mà thường dân cũng bị chết, ngày xưa vì lẫn tên, ngọn giáo, ngày nay vì bom đạn.

Nhưng tất cả sự chết choc vì chiến tranh, vì thiên tai, dịch bệnh như trong kinh Phật dạy, đều do nghiệp của con người gây ra, có nghiệp chung và nghiệp riêng từ nhiều kiếp đã trải qua, nay đủ nhân duyên nó tạo thành.

Cũng theo kinh ghi lời Phật dạy, chúng ta phải tu nhân, tích đức để được hưởng quả lành.

Duy thức, mọi sự việc đều do tâm chúng ta tạo nên. Do vậy chúng ta cần phải tu tâm, sửa tánh, chúng ta phải cầu nguyện để cho quả được tốt lành.

Cho nên dịch bệnh ngày nay, dạy cho chúng ta bài học cần phải tu nhân tích đức và thiết thực là luôn cầu nguyện cho dịch bệnh qua mau, cho nhà nhà được an vui, mọi người được an lạc.

BBT/NS/PHẬT HỌC

# Thiền định

## một phương pháp biến cải tâm linh

Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita  
Hoang Phong chuyển ngữ

(Khởi đăng từ PHẬT HỌC số 302)

Bài 1

### Thiền định thật sự là gì

Trong các thập niên gần đây, nhiều nơi trên thế giới, nhất là tại các nước Tây phương, từng xảy ra nhiều chuyển biến quan trọng, từ chính trị, xã hội, văn hóa cho đến kỹ thuật. Chúng ta có thể bảo rằng thế giới, nhất là thế giới Tây phương, trong các thập niên sau này các chuyển biến đó diễn ra trong một khoảng thời gian thật ngắn. Nói chung trong lịch sử nhân loại chưa bao giờ xảy ra những sự biến đổi trọng đại trong một khoảng thời gian ngắn như vậy.

Trong thời buổi ngày nay chúng ta không khỏi nhận thấy những sự chuyển biến thật dồn dập, ít nhất là trong các lãnh vực sinh hoạt xã hội của con người, Những sự chuyển biến đó dường như diễn ra ngày càng nhiều trong những khoảng thời gian ngày càng ngắn. Trước đây nhịp sống chậm hơn, con người có nhiều thì giờ hơn để "lớn" (*để sống và để trưởng thành*), giúp mình già dặn hơn. Nhiều thế hệ tiếp nối nhau [thật êm ái] trước khi xảy ra một sự thay đổi quan trọng một lãnh vực sinh hoạt nào đó trong cuộc sống xã hội. Ngày nay quá khác hẳn, các sự chuyển biến có thể nhận thấy trong vòng một thế hệ, đôi khi cũng chỉ cần năm hay mười năm. Hơn nữa chúng ta cũng nhận thấy nhịp độ đổi thay cũng ngày càng dồn dập hơn đối với hầu hết mọi lãnh vực sinh hoạt, kể cả các thành quả do con người đạt được, dù thuộc lãnh vực nào cũng vậy: từ chính trị, xã hội, kinh tế cho đến văn hóa.

Tuy thế chúng ta cũng chỉ quan tâm đến một

trong các lãnh vực trên đây mà tôi mạn phép gọi bằng một từ thực dụng, rộng nghĩa, nhằm tránh mọi sự va chạm: đó là "văn hóa" (*tránh không dùng chữ "tín ngưỡng" hay "tôn giáo"*). Trong lãnh vực đặc biệt này, nhất là trong những năm gần đây, đã xảy ra một sự chuyển biến to lớn nhất, vĩ đại nhất, mang một tiềm năng rộng lớn nhất: đó là thiền định (*bài giảng này được trích từ quyển sách "Sự Giác Ngộ của Con Người" / "Human Enlightenment", xuất bản năm 1980, tức cách này 40 năm. Ngày nay không những thiền định phát triển nhanh chóng trong các nước Tây phương mà tinh thần từ bi của Phật giáo đối với mọi loài sinh vật cũng đã bắt đầu ăn sâu vào sự sinh hoạt xã hội của các quốc gia Tây phương. Xin đơn cử một thí dụ cụ thể và điển hình. Nhật báo ngày 26.08.2019, cùng các cơ quan truyền thông khác tại Pháp, đưa tin cho biết một người đàn ông 34 tuổi ở tỉnh Montpellier ném một con chó qua cửa sổ từ tầng lầu ba, bị truy tố ra tòa và lãnh án ba năm tù: hai năm tù giam và một năm tù treo. Cách nay 40 năm, khi nhà sư Sangharakshita nêu lên nhận xét trên đây, thì dường như không mấy ai bị tù tội vì ngược đãi thú vật. Phải chăng đó cũng là một sự tiến bộ nhanh chóng và tích cực trong các xã hội Tây phương ngày nay. Trong khi đó tại một vài nước Á châu tự nhận là Phật giáo lại có những quán nhậu "cây tơ và tiểu hổ").*

Trong thế giới Tây phương, cách nay mười lăm, hai mươi năm, không mấy ai nghe nói đến thiền định. Thời bấy giờ, sự hiểu biết về thiền định và các lợi ích mang lại từ phép luyện tập này dường như chỉ được vài nhóm người có một thái độ khó hiểu hay lập dị (*những người có một phong cách lạ lùng, chẳng giống ai. Ý nói đến các nhóm người hành thiền và tu tập Phật giáo đầu*



*tiên tại Âu châu*) quan tâm mà thôi. Thế nhưng ngày nay chúng ta có thể bảo rằng hầu hết mọi người đều nghe nói đến hai chữ "thiền định" (meditation). Dù chữ này đã trở thành quen thuộc đối với hầu hết mọi người, thế nhưng không phải vì thế mà Ý nghĩa của nó được mọi người hiểu đúng.

Tôi thường nghe người ta nói như thế này: "Thiền định có nghĩa là không còn suy nghĩ nữa, đó là cách tạo ra một sự trống rỗng trong tâm trí mình". Một số người khác thì lại cho rằng thiền định là cách chỉ cần đơn giản ngồi xuống, không phải làm bất cứ gì khác cả. Ngồi yên nhưng không làm gì cả có thể - nhưng cũng không có thể - là một điều tốt. Dầu sao thì đây cũng không phải là thiền định. Đôi khi các bạn cũng nghe nói, hay đọc thấy trong sách rằng thiền định là cách ngồi xuống và nhìn vào rốn của mình - nếu thế thì phải có đôi mắt lác [thì mới nhìn thấy rốn của mình] -, hoặc thiền định là một "thể dạng nhập hồn" (*trance/thể dạng "hoàn chuyển" tâm thần hay "nhập bóng" của những người lên đồng*) (thật đáng tiếc một tác giả được nhiều người biết đến và cũng đã từng viết lách về Phật giáo không đến nỗi tệ, thế nhưng qua một góc nhìn mang tính cách đại chúng lại cho rằng "nhập hồn" (trance) đồng nghĩa với thiền định) (*cũng thật đáng tiếc là có quá nhiều bài viết và bài dịch về thiền định do các tác giả và dịch giả chưa bao giờ có một chút kinh nghiệm thực tiễn và cá nhân nào về phép luyện tập này. Họ chỉ "nghe nói" hoặc "dựa vào" sự tưởng tượng của mình hoặc căn cứ vào các bài viết khác. Do vậy nên các bài viết và dịch của họ chỉ tạo thêm hoang mang cho những người tu tập có thiện chí mà thôi*). Nhiều người khác thì cho rằng thiền định là cách chỉ cần đơn giản ngồi xuống trong yên lặng và suy nghĩ về các sự việc, có nghĩa là "suy đi nghĩ lại" trong tâm trí về những thứ chuyện nào đó. Nhiều người khác nữa thì lại nghĩ rằng thiền định là cách tự tạo ra cho mình một tình trạng tương tự như bị "thôi miên". Thật ra trên đây cũng chỉ đơn cử một vài trường hợp điển hình về sự hiểu lầm về phép thiền định thường thấy trong quảng đại quần chúng mà thôi.

Nguyên nhân đưa đến các sự hiểu lầm đó cũng không phải quá khó hiểu. Thiền định là một cái gì đó tương đối mới mẻ trong thế giới Tây phương, ít nhất là trong cái thế giới tân tiến của các nước Tây phương ngày nay (*thế nhưng dường như tại Tây phương người ta nhận thấy rõ ràng hơn về sự ích lợi của thiền định và cũng áp dụng phép luyện tập này tích cực hơn so với một số các nước Á châu có truyền thống Phật giáo lâu đời*). Trong toàn thể các lãnh vực hiểu biết của chúng ta (*những người có nguồn gốc văn hóa La-mã và Hy-lạp*), ít nhất cũng là trong giai đoạn lịch sử cận đại này, dường như không có bất cứ một thứ gì tương tự với thiền định cả. Chúng ta cũng không có một thuật ngữ nào thích nghi hay phù hợp để mô tả các thể dạng thiền định và các quá trình diễn tiến của các thể dạng đó. Do vậy, thật hết sức dễ hiểu, các sự hiểu lầm đã xảy ra ngay từ lúc đầu (*chữ meditation/thiền định trong các ngôn ngữ Tây phương có nghĩa là nghiền ngẫm hay suy tư, trong khi đó thiền định đúng nghĩa của nó là một phép luyện tập nhằm tạo ra một thể dạng tâm thức hay một thái độ tâm thần trong sáng, thăng bằng, an bình và thanh thản, giúp mang lại một sự quán thấy sâu xa và sắc bén về Hiện Thực và cả con người của chính mình bên trong Hiện Thực đó. Trong bài giảng của Đức Đạt-lai Lạt-ma thay cho phần dẫn nhập các bài giảng của nhà sư Sangharakshita, cũng đã nêu lên định nghĩa và mục đích đó của thiền định*).

Chúng ta cũng phải hiểu rằng thiền định nhất thiết là một cái gì đó dùng để luyện tập, một cái gì đó mà chính mình phải làm, phải tự cảm nhận bởi chính mình. Thế nhưng hầu hết mọi người chỉ hiểu thiền định qua những gì mà mình nghe nói. Các sự hiểu biết đó không hề được dựa vào sự luyện tập của mình và các kinh nghiệm do chính mình thực hiện cho mình. Họ chỉ căn cứ vào những gì đã được truyền tai hai, ba hay bốn lần, từ hết người này sang người khác. Một số khác thì tìm hiểu - hoặc đánh phải tìm hiểu - thiền định qua sách vở vì chẳng có phương tiện nào khác hơn. Ngày nay có rất nhiều sách về thiền định hoặc cho rằng đó là thiền định.

Thế nhưng tiếc thay các loại sách này thường chỉ dựa vào những gì nghe thấy, thay vì sự hiểu biết và các kinh nghiệm do chính mình thực hiện. Trong một vài trường hợp còn tệ hơn như thế, tức là chỉ duy nhất dựa vào sự tưởng tượng, nếu không muốn nói đây chỉ là những điều tự biện (speculation). Do vậy mà ngày nay không thiếu những người tự cho mình là các chuyên gia lão luyện trong lãnh vực này. Điều đó khiến tôi nhớ lại các nhận xét của riêng tôi vào dịp vía Phật Buddha Jayanti (*lễ Phật đản hay lễ Dâng y/Vesak của Phật giáo Theravada*), đánh dấu 2500 năm Đức Phật hòa nhập vào *Parinirvana* (Đại bát niết bàn). Dịp lễ này đã được tổ chức thật long trọng trên toàn thế giới. Chính phủ Ấn chính thức đứng ra tổ chức buổi lễ quốc tế này, đồng thời các nước tại Đông Nam Á cũng đứng ra tổ chức riêng tại quốc gia mình. Dịp lễ này đã làm dấy lên một phong trào phục hồi Phật giáo thật ào ạt, tạo ra một nhu cầu khẩn thiết trong quảng đại quần chúng về sách báo Phật giáo. Vô số tác giả thuộc mọi trình độ tranh nhau viết lách, thế nhưng hầu hết sách báo và các bài ca ngợi (pamphlet/bài hùng biện) do họ đưa ra không có một chút giá trị nào cả. Họ chỉ gom góp các tư liệu đủ loại, đủ mọi khuynh hướng, đôi khi được rút tĩa từ các nguồn tư liệu đáng tin cậy, những đôi khi cũng đáng nghi ngờ, và cứ thế mà mỗi vị tự nhào nặn và tạo ra các "tác phẩm" của mình về Phật giáo (*nhà sư Sangharakshita nêu lên tình trạng này cách nay đã 40 năm. Ngày nay các phương tiện truyền thông tân tiến, nhanh chóng và tiện lợi hơn đã tạo ra một làn sóng sách báo, bài viết, bài giảng về Phật giáo tràn ngập thị trường - đây là chưa nói đến các hậu ý chính trị và tư lợi ẩn nấp phía sau làn sóng đó. Dầu sao các phương tiện truyền thông đại chúng cũng chỉ có thể tạo ra một nền tín ngưỡng đại chúng mà thôi*).

Trong thế giới Tây phương ngày nay đang xảy ra một cuộc bùng nổ lớn (a boom) trên phương diện tâm linh nói chung và thiền định nói riêng. Nhiều người cảm thấy không hài lòng trước cuộc sống thường nhật của mình, họ cũng không hoàn toàn chấp nhận sự sinh hoạt và cung cách hành xử quy ước mà mình phải tôn trọng

trong cuộc sống (*trong sự sinh hoạt xã hội*). Mặc dù khoa học ngày nay đã thực hiện được thật nhiều tiến bộ ngoạn mục trong lãnh vực tiện nghi vật chất, thế nhưng đối với sự sống thì họ không thể chấp nhận được các sự giải thích duy nhất chỉ dựa vào các hiểu biết khoa học, (*khoa học chỉ có thể tìm hiểu các hiện tượng cụ thể, có nghĩa là cân đo, mô tả, xác định và có thể lập lại được. Trong khuôn khổ hạn hẹp đó khoa học chỉ "trông thấy", "nhận biết" và "hiểu được" một nửa hiện thực mà thôi*), mặt khác họ cũng không thể chấp nhận được các cách giải thích của các truyền thống tín ngưỡng lâu đời của họ, nhất là Do-thái giáo và Ki-tô giáo (Judeo-Christian). Họ mong cầu tìm được một cái gì đó có thể mang lại cho mình một sự hài lòng sâu xa và vững bền hơn, nhiều sáng tạo và xây dựng hơn. Vì thế một số người đã quay ra tìm hiểu các truyền thống tín ngưỡng Đông phương, nhất là phép thiền định. Họ học hỏi và thực tập phép luyện tập này. Họ tham dự các khóa học và các khóa ăn cư vào dịp cuối tuần. Tình trạng đó đã tạo ra một nhu cầu mới [trong các xã hội Tây phương ngày nay].

Tất nhiên là sẽ có nhiều người sẵn sàng đáp ứng nhu cầu đó - đôi khi họ cũng nhận đôi chút thù lao. Trong số họ, nhiều người hoàn toàn hội đủ khả năng, nhưng cũng có những người không được thành thạo lắm, đây chính là nguyên nhân tạo ra đủ mọi thứ hiểu lầm. Thiền định thường được nhận định giới hạn trong khuôn khổ của một phép thiền định chuyên biệt nào đó, hoặc chỉ xoay quanh một phép luyện tập duy nhất nào đó về sự chú tâm. Nhiều người không hiểu được là có rất nhiều thể loại thiền định khác nhau và rất nhiều phương pháp khác nhau trong việc luyện tập về sự chú tâm. Nhiều người nếu chỉ biết đến hoặc chỉ luyện tập về một phép thiền định chuyên biệt nào đó thì thường hay nghĩ rằng phép thiền định mà mình luyện tập là tốt nhất, hoặc cũng có thể cho rằng phương pháp đó là phương pháp duy nhất. Điều này có thể sẽ khiến họ nghĩ rằng các bạn cũng phải luyện tập đúng như vậy, nếu không thì không phải là thiền định. Theo họ thì các phép luyện tập khác, các phương pháp khác, các truyền thống khác không có giá trị gì cả. Đó là tình trạng thường thấy xảy ra. Chính vì

thể nên thật hết sức quan trọng là phải làm sáng tỏ những gì mập mờ và xóa bỏ các sự hiểu lầm. Do vậy việc tìm hiểu thiền định thật sự là gì quả hết sức quan trọng. Nếu muốn làm được điều đó thì phải nhận biết được sự khác biệt thật to lớn giữa LÝ tưởng và thực tế, nói một cách khác là giữa một người Giác Ngộ tức là một vị Phật và một người bình dị không-giác-ngộ. Chúng ta phải luôn ghi nhớ trong tâm bản chất đó của Phật giáo (*bản chất, hay LÝ tưởng đó của Phật giáo là nhằm biến một con người bình dị (thực tế) trở thành một vị Phật (LÝ tưởng), và thiền định là phương tiện và cũng là phương pháp giúp biến "thực tế" - tức là con người không-giác-ngộ của mình - trở thành một cái gì đó "LÝ tưởng" hơn - tức là một vị Phật. Các sự sinh hoạt màu mè và đại chúng chỉ là các phương tiện thiện xảo giúp chúng ta "trông thấy" cái LÝ tưởng đó từ xa mà thôi. Xin người đọc lưu Ý những lời nhận xét trên đây của nhà sư Sangharakshita*).

Đức Phật, là một con người Giác Ngộ, phản ánh một thể dạng, một sự thực hiện, một cung cách hiện hữu và nhận thức nào đó mà chúng ta, [những người Tây phương], hoàn toàn không có một từ nào, một thuật ngữ nào tương đương và thích nghi trong nền văn hóa Tây phương có thể diễn tả được (*trong nền văn hóa Hy Lạp và La Mã không có một từ nào tương đương với chữ Giác Ngộ/Bodhi. Chữ Bodhi/Giác Ngộ trong Phật giáo có nghĩa là sự hiểu biết của một vị Phật giúp mình trông thấy bản chất đích thật và sâu kín của mọi sự vật. Người Tây phương tạm dịch chữ Bodhi là Enlightenment/Awakening/Eveil... và các chữ này cũng chỉ có nghĩa là "Thức tỉnh" hay "Bừng tỉnh", trong khi đó chữ Bodhi vượt cao hơn sự thức tỉnh hay bừng tỉnh rất nhiều, nói lên một sự "Hiểu Biết" siêu việt, một sự "Quán Thấy" sâu xa và sắc bén về Hiện Thực của thế giới hiện tượng và cả thế giới tâm linh, trong đó gồm cả con người và tri thức của chính mình*). "Đức Phật" không có nghĩa là một vị Trời (God/Dieu), một Nhân vật Tối Thượng (Supreme Being/Être Suprême) hay vị Sáng Tạo ra vũ trụ, và cũng không phải là hiện thân của Thượng Đế. Thế nhưng "Đức Phật" cũng không phải là một con người với Ý

nghĩa thông thường của nó. Đúng hơn nên xem Đức Phật là một Chúng Sinh đã đạt được Giác Ngộ, phản ánh một sự thăng tiến nào đó. Đức Phật hay Vị Giác Ngộ là một con người, nhưng là một con người vô cùng đặc biệt, một con người thăng tiến hơn chúng ta. Thật vậy Ngài là một con người phát triển đến vô tận. Điều đó có nghĩa là Ngài là một con người đã hoàn toàn đạt được một thể dạng tâm linh thật hoàn hảo mà chúng ta gọi là Giác Ngộ. Ý nghĩa của chữ "Đức Phật" là như vậy, và Phật giáo là một cái gì đó, một phương tiện nào đó, giúp chúng ta xóa bỏ sự phân tách giữa LÝ tưởng và thực tế, và cũng là cách biến một con người không-giác-ngộ trở thành một con người Giác-Ngộ. Sự chuyển biến tuyệt vời đó có thể hiểu như là một sự biến cải sâu rộng nhất, một sự thăng tiến to lớn nhất mà con người có thể thực hiện được. Chúng ta gọi sự thăng tiến đó là cuộc sống tâm linh, quá trình của sự thăng tiến đó đôi khi cũng được gọi là sự Tiến Hóa Siêu Việt. Vậy sự tiến hóa đó thật sự là gì? Sự thăng tiến đó gồm có những gì? Tất nhiên sự biến đổi trọng đại đó không thuộc lãnh vực thân xác, bởi vì thân xác của một vị Giác Ngộ và thân xác của một người không-giác-ngộ không có gì khác biệt nhau. Sự khác biệt nhất thiết thuộc vào lãnh vực tâm thần - với nghĩa rộng của thuật ngữ này. Những gì thăng tiến chính là tri thức thăng tiến, và đó cũng là sự khác biệt to lớn nhất - giữa sự Tiến Hóa Siêu Việt và sự tiến hóa thấp kém - nếu có thể nói như vậy.

Những gì mà chúng ta gọi là sự tiến hóa thấp kém là quá trình chuyển biến từ một con amib (*amoeba/ một sinh vật đơn bào, nói chung là các thể loại sinh vật thô sơ xuất hiện đầu tiên trên dòng tiến hóa sinh học*) đưa đến sự hình thành của một con người bình dị, có nghĩa là một con người không-giác-ngộ. Quá trình đó chủ yếu là một quá trình sinh học, nó chỉ trở thành một quá trình tâm LÝ (psychological) trong giai đoạn cuối cùng mà thôi (*các vi sinh vật cũng như các sinh vật thô sơ khác trong giai đoạn đầu tiên trên dòng tiến hóa sinh học không có hoặc chưa có một sự sinh hoạt tâm LÝ nào cả. Các sự sinh hoạt này chỉ dần dần xuất hiện sau*

đó nơi các sinh vật tiến hóa hơn, và trong giai đoạn cao nhất đã trở thành phong phú và vô cùng phức tạp nơi giống người. Thế nhưng chính sự phức tạp và phong phú đó nơi con người lại là nguyên nhân sâu xa nhất mang lại đủ mọi thứ khổ đau cho toàn thể nhân loại. Các sự sinh hoạt "tâm lý" phức tạp và phong phú đó - của con người và các sinh vật tiến hóa khác - còn được gọi là trí "thông minh". Trí "thông minh" đó - nhất là đối với giống người - đã tạo ra các cung cách hành xử khôn ngoan cũng như xảo quyệt, sáng chế ra khí giới, tạo ra chiến tranh, triết học, tôn giáo, tín ngưỡng, chính trị. Thế nhưng trí "thông minh" đó, các sự "sinh hoạt tâm lý" tiến hóa đó, cũng có thể tạo ra tình thương yêu, lòng từ bi và sự Giác Ngộ). Sự Tiến hóa Siêu Việt là một quá trình toàn vẹn - một sự diễn tiến hoàn hảo - mang lại một sự thăng tiến giúp một con người không-giác-ngộ trở thành một con người Giác-Ngộ. Quá trình đó hoàn toàn thuộc lãnh vực tâm lý và tâm linh, và quá trình đó, ở giai đoạn thăng tiến cao nhất của nó, có thể tự nó hoàn toàn tách ra khỏi thân xác vật lý (dòng luân lưu của tri thức tinh khiết và trong sáng của một con người Giác-Ngộ sẽ trở thành vô tận, không có điểm khởi thủy, cũng không có điểm chấm dứt nào cả, dòng tri thức đó vượt ra khỏi các yếu tố không gian và thời gian. Trong khi đó tất cả mọi hiện tượng cấu hợp trong vũ trụ và cả trong tâm thức của một cá thể - có nghĩa là tất cả mọi sự hiện hữu - đều được sinh ra và chấm dứt, rồi lại được sinh ra... để mà chấm dứt. Mọi hiện tượng cứ tiếp tục chuyển động như thế trên dòng tiến hóa "thấp kém" của thế giới hiện tượng).

Kinh sách xưa (*Tam Tạng Kinh*) có nêu lên bốn giai đoạn hay bốn cấp bậc tri thức từ thấp đến cao (còn gọi là tứ thiên). Trước hết (thấp nhất) là cấp bậc tri thức liên quan đến "thế giới" - hay "cấp bậc" - của các cảm nhận giác quan (các cảm nhận phát sinh từ ngũ giác). Cấp bậc thứ hai là cấp bậc tri thức liên quan đến "thế giới" - hay "cấp bậc" - của các hình tướng tâm thần và tâm linh (tức là các sự sinh hoạt nội tâm, nói chung là các tư duy, khái niệm và xúc cảm) - có nghĩa là "thế

giới" - hay cấp bậc - của các thứ khuôn mẫu (*archetype*/ các sinh hoạt tâm thần mang tính cách quy ước, công thức hay mẫu mực, nói chung là những gì tạo ra bởi giáo dục và các kinh nghiệm hiểu biết của từng mỗi cá thể). Cấp bậc thứ ba là cấp bậc tri thức liên quan đến "thế giới" - hay "cấp bậc" - vô-hình-tướng (*thuộc lãnh vực tâm linh*). Sau cùng (tức cấp bậc thứ tư) là tri thức liên quan đến Con Đường Siêu Việt (*Transcendent Path/ Con đường Siêu Nhiên hay Tối Thượng, một thể dạng tâm thần thượng thặng vượt lên trên các sự hiểu biết thông thường và quy ước*), có nghĩa là con đường trực tiếp hướng vào Nirvana (Niết-bàn) hay sự Giác Ngộ, hay Phật Tính, (Buddhahood/Bodhicitta/Bồ-đề tâm) và cùng kết hợp với các thứ này.

Ngoài ra cũng còn có một phương pháp phân loại khác khá thực dụng mà đôi khi chúng ta cũng cần đến. Phương pháp phân loại này cũng gồm có bốn giai đoạn hay bốn cấp bậc tri thức khác nhau, nhưng không hoàn toàn tương đồng với bốn cấp bậc nói đến trên đây. Trước hết là Tri thức cảm giác (Sense-consciousness), có nghĩa là tri thức liên quan đến các đối tượng mà chúng ta cảm nhận được bằng các giác quan vật lý (*ngũ giác*) của mình. Thế loại tri thức này đôi khi cũng được gọi một cách ngắn gọn là "tri thức", nhưng cũng có thể hiểu như là "tri thức của hàng thú vật" (*animal consciousness/nói chung là tri thức phát sinh từ các cảm nhận của các cơ quan giác cảm*). Đó là thế loại tri thức mà chúng ta và các thành phần khác của thế giới động vật (*animal kingdom*) đều có như nhau.

Cấp bậc thứ hai là Tri thức về cái tôi (Self-consciousness), cái tôi ở đây không mang ý nghĩa thông thường của nó (tức là các sự sinh hoạt tâm thần mà mình đồng hóa với cái tôi, cái "linh hồn" hay "cái ngã" của mình) mà đúng hơn là sự ý thức về cái tôi với tư cách là một con người ý thức được là mình hàm chứa một khả năng ý thức, có nghĩa là mình hiểu được là mình hiểu biết. Thế loại tri thức này đôi khi cũng còn được gọi là "tri thức suy ngẫm" (*reflexive consciousness/tri thức đảm trách chức năng suy nghĩ hay ngẫm nghĩ, tâm lý*



học gọi là tri thức "phản xạ"), bởi vì trong trường hợp này tri thức tự thu mình (*gập mình*) vào chính nó, tự nó nhận biết nó, cảm nhận được nó, Ý thức được chính nó (*đó là một hình thức nội quán/introspection*). Chúng ta cũng có thể bảo rằng tri thức về cái tôi hay tri thức suy ngẫm đó (*tức là tri thức "phản xạ"/reflexive hay tri thức tự nhận biết được chính nó*) là thể dạng tri thức chủ yếu của một con người, đúng với Ý nghĩa đầy đủ của chữ này (*khả năng suy ngẫm và biết rằng mình đang suy ngẫm là yếu tố chủ yếu nhất xác định một cá thể đúng thật là một con người*).

Cấp bậc thứ ba là Tri Thức Siêu Nhiên (Transcendental-Consciousness) có nghĩa là Tri thức về Hiện Thực (*tức là Tri thức "nhận biết" được Hiện Thực*) và cũng có thể gọi đó là sự tiếp xúc cá nhân và trực tiếp với Hiện Thực - một thể dạng Hiện Thực Tối Hậu - được cảm nhận như là một đối tượng "ở đằng kia" (*tức "bên ngoài" tâm thức, nói một cách khác là trong thể dạng tri thức thứ ba đó vẫn có một chủ thể nhận biết được một đối tượng khác hơn với chính nó*).

Sau hết là Tri Thức Tuyệt Đối (Absolute-Consciousness), bên trong thể dạng Tri Thức này sự liên kết nhị nguyên giữa chủ thể và đối tượng sẽ hoàn toàn biến mất, qua sự biến mất đó Hiện Thực Tối Hậu sẽ được thực hiện một cách trọn vẹn, hoàn toàn vượt lên trên sự đối nghịch nhị nguyên giữa chủ thể và đối tượng (*"nhìn" vào một cội cây thì cội cây cũng chính là mình và mình cũng chính là cội cây, cả hai đều "biến mất", một khi chủ thể và đối tượng đã bị xóa bỏ. Nói một cách khác là chủ thể và đối tượng là một cách phân tách, "cắt" hiện thực ra từng mảnh nhỏ. "Nhìn" vào một pho tượng Phật cũng vậy, nếu không có chủ thể và đối tượng xen vào, thì tất cả cũng chỉ là một sự trống không. Tri thức hiểu biết hay giác ngộ đó gọi là "Tri Thức Tuyệt Đối"*).

Cấp bậc tri thức thứ nhất nêu lên trong cả hai cách phân loại trên đây (*hình-tượng và vô-hình-tượng*) là cấp bậc thông thường của những người bình dị, tức là

không-giác-ngộ, và cũng có nghĩa là những người không phát huy một chút cố gắng nào giúp mình tự biến cải mình trên phương diện tâm linh (*chỉ biết sống với các sự thức đầy và chi phối bản năng, xuyên qua các cảm nhận của ngũ giác, đối với những người tu tập thì chỉ biết cầu xin, van vái, nhưng không hề nghĩ đến là phải nâng cao trình độ tri thức mình*). Cấp bậc tri thức thứ tư (*tức là cấp bậc cao nhất*) trong cả hai cách phân loại trên đây là cấp bậc của một con người Giác-Ngộ.

Đến đây chúng ta sẽ bắt đầu tìm hiểu xem cuộc sống tâm linh - tức là việc tu tập mang lại sự Thăng tiến Cao nhất - cơ bản là gì?

Chúng ta có thể nói đó là một sự thăng tiến tuần tự của các thể dạng hiện hữu của tri thức, từ thấp lên cao: từ thế giới của các sự cảm nhận giác quan đến thế giới hình tướng tâm thần và tâm linh, từ thế giới tâm thần và tâm linh đến thế giới phi-hình-tượng và sau cùng là Nirvana (Niết-bàn). Nói một cách khác thì sự thăng tiến đó là sự chuyển tiếp từ tri thức cảm giác (*Sense-consciousness, tri thức ở cấp bậc thấp nhất của con người và cả hàng thú vật*) đến tri thức về cái tôi (*Self-consciousness, tri thức không-giác-ngộ của một người bình dị, tức là tri thức giúp mình nhận biết và Ý thức được là "mình" đang nhận biết, và đó là yếu tố chủ yếu xác nhận một cá thể là "con người"*), từ tri thức về cái tôi đến Tri Thức Siêu Nhiên (*Transcendental-Consciousness, tri thức "sáng suốt" và "siêu việt" của người hành thiền*), và sau hết là từ Tri Thức Siêu Nhiên đến Tri Thức Tuyệt Đối (*Absolute Consciousness, tri thức Giác Ngộ của một vị Phật*) (thật hết sức rõ ràng: đó là sự thăng tiến tuần tự từ tri thức giác cảm và tri thức về cái tôi của một con người bình dị đến Tri Thức Siêu Nhiên của một người hành thiền và sau cùng là Tri Thức Tuyệt Đối của một vị Phật. Đó là quá trình mà người tu tập chân chính phải thực hiện trong cuộc sống tâm linh của mình).

Đến đây chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu xem thiền định thật sự là gì. Tuy nhiên trước hết chúng ta cũng nên

tìm hiểu một số định nghĩa cơ bản hầu giúp chúng ta có thể xác định rõ ràng hơn thế nào là thiền định. Thế nhưng vẫn còn có thêm một điều nữa mà chúng ta phải đặc biệt lưu ý. Trên đây chúng ta có nói đến "đời sống tâm linh" (*tức là việc tu tập của mình*) nhất thiết phải mang lại một sự "thăng tiến" cho tri thức mình, và Phật giáo - tức là *Dharma* (Đạo pháp) hay Giáo Huấn của Đức Phật - là những gì giúp chúng ta thực hiện sự thăng tiến đó. Thế nhưng cũng có hai đường hướng hay hai phương pháp khác nhau trong việc thực hiện sự thăng tiến đó của tri thức. Phương pháp thứ nhất mang tính cách "chủ quan" và phương pháp thứ hai mang tính cách "khách quan", thế nhưng chúng ta cũng có thể gọi phương pháp thứ nhất (*chủ quan*) là phương pháp "trực tiếp" và phương pháp thứ hai (*khách quan*) là phương pháp "gián tiếp". Khi nào nắm vững được sự khác biệt giữa hai phương pháp hay đường hướng đó thì khi ấy chúng ta mới tạo được sự nhận định cần thiết giúp mình bước vào con đường thiền định. Thiền định [chủ yếu] là một phương pháp chủ quan (*có nghĩa là phải hướng vào bên trong chính mình để biến cải tâm thức mình*) và trực tiếp (*chính mình phải trực tiếp cảm nhận các thể dạng tâm thần do chính mình tạo ra cho mình*) nhằm nâng cao trình độ tri thức của mình, bằng cách trực tiếp luyện tập tâm thức mình.

Tuy nhiên trước hết tôi cũng phải giải thích thêm về phương pháp "khách quan" hay "gián tiếp" giúp nâng cao trình độ tri thức. Nhiều người nghĩ rằng thiền định là phương tiện duy nhất có thể nâng cao tri thức, điều đó có nghĩa là phải trực tiếp luyện tập tâm thức mình thì mới có thể nâng cao được trình độ tri thức mình, ngoài ra không có cách nào khác cả. Chính vì thế nên họ đồng hóa thiền định với cuộc sống tâm linh, và cuộc sống tâm linh nhất thiết là thiền định (*tu tập là thiền định và thiền định chính tu tập, không có cách nào khác hơn*). Họ nhất quyết cho rằng các bạn không thể nào tạo được cho mình một cuộc sống tâm linh nếu không thiền định. Đôi khi họ còn đồng hóa cuộc sống tâm linh với một phép luyện tập thiền định chuyên biệt hay một phương pháp tập trung tâm thần duy nhất nào đó. Thế nhưng quan điểm này quá

hết sức hạn hẹp, khiến chúng ta không còn quan tâm tìm hiểu xem một cuộc sống tâm linh đích thật phải như thế nào - tức có nghĩa là phải nâng cao tri thức mình - điều này đôi khi cũng có thể khiến chúng ta không còn nghĩ đến phải tìm hiểu xem thiền định đích thật là như thế nào. Thật vậy, đối với việc luyện tập giúp nâng cao trình độ tri thức thì tất nhiên phương pháp trực tiếp là quan trọng hơn cả, thế nhưng các phương pháp gián tiếp cũng quan trọng không kém, nếu không muốn nói là có thể quan trọng hơn nhiều (*tu tập Phật giáo bằng phép thiền định là cách tu tập "trực tiếp" và "thiết thực" nhất, thế nhưng cũng có rất nhiều hình thức tu tập "gián tiếp" - tức không cần phải ngồi xuống để thiền định - cũng có thể nâng cao trình độ tri thức mình, các hình thức tu tập này rất đa dạng, đôi khi rất dễ thực hiện và hầu hết mọi người đều có thể làm được, tính cách "đại chúng" đó nói lên tầm quan trọng của các phương pháp "gián tiếp". Các phương pháp này sẽ được nhà sư Sangharakshita lần lượt nêu lên dưới đây*).

Dẫu sao chúng ta cũng phải hiểu rằng còn có rất nhiều các phương pháp khác (*ngoài phép thiền định*). Nếu không Ý thức được điều đó thì việc luyện tập của mình sẽ phiến diện, và nếu cứ khăng khăng giữ thái đó thì chúng ta sẽ khó tránh khỏi tạo ra cho mình một cuộc sống tâm linh (*con đường tu tập của mình*) vô cùng hạn hẹp, đây là chưa nói đến điều đó có thể tạo ra cho mình thái độ ghét bỏ một số người khác, chẳng hạn như những người có tánh khí khác hơn với mình, hoặc không tích cực thiền định [giống như mình]. Vậy chúng ta hãy tìm hiểu lướt qua một vài phương pháp "gián tiếp" có thể nâng cao tri thức mình nhưng không bắt buộc phải hành thiền.

Phương pháp trước nhất (*và cũng dễ thực hiện nhất*) là thay đổi môi trường. Đó là một phương tiện gián tiếp có thể nâng cao trình độ tri thức mình. Chúng ta tìm một dịp nào đó để tham gia một khóa ẩn cư tại một trung tâm Phật giáo xa những nơi đông đúc. Chúng ta sinh hoạt vài ngày hay vài tuần trong khung cảnh thú vị và thanh tịnh đó, không có điều gì khiến mình phải bận tâm,

*(tìm một khung cảnh thích nghi trong môi trường "bên ngoài" để biến cải tâm thức "bên trong" chính mình là một phương pháp "gián tiếp" hay "khách quan").* Khung cảnh đó đôi khi cũng có thể mang lại nhiều lợi ích hơn cả việc hành thiền, nhất là trong trường hợp bối cảnh sinh sống và làm việc thường nhật của mình không được thích hợp với mình - có nghĩa là không giúp mình nâng cao được trình độ tri thức mình. Đối với nhiều người, chỉ cần tìm một môi trường tích cực hơn cũng đủ để nâng cao tri thức mình, không cần phải làm gì khác cả *(đó là một phương pháp thiền định nhưng không cần hành thiền, thế nhưng nếu biết lợi dụng khung cảnh thuận lợi đó để hướng vào bên trong tâm thức mình để "hành thiền" một cách tích cực và "trực tiếp" hơn, thì dịp ẩn cư đó sẽ càng mang lại nhiều lợi ích hơn cho mình).*

Ngoài ra cũng có một phương pháp gián tiếp khác rất đơn giản nhưng có thể nâng cao trình độ tri thức mình, Phật giáo gọi phương pháp này là việc thực thi đạo đức. Gần như hầu hết mọi người trong xã hội đều phải làm việc để sống. Hầu hết trong số chúng ta, ngày nào cũng phải làm cùng một thứ công việc, năm ngày trong một tuần, năm mươi tuần trong một năm. Và cứ thế trong suốt năm năm, mười năm, hai mươi năm, hai mươi lăm năm hay ba mươi năm..., cho đến khi nào đến tuổi về hưu. Điều đó thường xuyên tác động và ảnh hưởng đến thể dạng tâm thần của mình. Nếu công ăn việc làm thiếu lành mạnh trên phương diện tâm thần, đạo đức và tâm linh, thì các tác động ảnh hưởng đến tâm thần mình cũng sẽ kém lành mạnh. Phật giáo - có nghĩa là Giáo Huấn của Đức Phật - khuyên chúng ta phải đặc biệt quan tâm đến phương tiện sinh sống và việc giữ gìn đạo đức, có nghĩa là kẻ sinh nhai không làm hạ thấp tri thức mình, cũng không ngăn chặn mình nâng cao trình độ tri thức mình, nhất là sinh kế đó không được gây ra tại hại cho các chúng sinh khác *(đó là yếu tố thứ tư gọi là "phương tiện sinh sống đúng đắn", tiếng Pa-li là Samma ajiva. Yếu tố này được nêu lên trong khái niệm về "Con đường gồm tám yếu tố đúng đắn", tiếng Pa-li là Atthangika magga, kinh sách Hán ngữ gọi là "Bát chánh đạo", và yếu tố thứ tư là "chánh nghiệp").* Tín ngưỡng Phật giáo

đưa ra một danh sách các nghề có hại cho sự phát triển tâm linh: đó là các nghề đồ tể, buôn bán khí giới, bán rượu, v.v. Cách thay đổi công ăn việc làm (chẳng hạn như trong trường hợp nghề mà mình đang làm thiếu đạo đức) chẳng hạn như chọn một nghề khác, tìm một nơi khác, một môi trường khác, hoặc lánh xa một vài người nào đó mà mình đang làm việc chung với họ - cũng là một cách tạo ra các tác động tích cực hơn cho mình trong từng ngày, giúp mình nâng cao trình độ tri thức của mình - hoặc ít ra cũng không ngăn chặn mình nâng cao tri thức mình *(lánh xa các đồng nghiệp hung dữ, ác tâm, ích kỷ cũng là một cách gián tiếp mang lại cho mình một sự thanh thản, không tức bực hay oán giận, thế nhưng đồng thời cũng phải nghĩ đến họ, thương yêu họ và cầu mong họ thay đổi để tạo ra cho mình một nếp sống thân thiện, đạo đức và tích cực hơn).*

Ngoài ra, một cuộc sống đều đặn và kỷ cương cũng hết sức quan trọng, một lối sống mà ngày nay dường như không mấy ai quan tâm đến. Đó là cách giữ gìn và thực thi một số giới luật và quy tắc đạo đức, chẳng hạn như ăn uống đúng giờ, đều đặn trong công ăn việc làm, dành ra những phút nghỉ ngơi, ngủ nghỉ đúng lúc, biết học hỏi và Ý thức trong từng lời nói - thỉnh thoảng cũng nên nhịn ăn, giữ sự yên lặng đôi ba ngày hay đôi ba tuần. Khi đã tạo được cuộc sống kỷ cương đó thì chẳng khác gì như mình sống trong một cảnh chùa. Cuộc sống đó sau một thời gian dài sẽ mang lại cho mình thật nhiều biến cải. Những người đã tạo được cho mình cuộc sống ngăn nắp và kỷ cương đó sẽ nhận thấy trình độ tri thức mình được nâng lên cao hơn, dù mình không hề biết đến việc hành thiền là gì.

Ngoài ra cũng còn có các phương pháp [gián tiếp] khác nữa, chẳng hạn như phương pháp hatha-yoga (là phép luyện tập du-già dựa vào các tư thế trên thân thể. Hatha là tiếng Phạn có nghĩa là "sức mạnh", hatha-yoga có nghĩa là cách phát huy sự "cố gắng" dựa vào một số tư thế trên thân thể liên quan đến các thể dạng nội tâm). Đặc biệt hơn cả là các "asana yoga" (các tư thế du-già), các tư thế này không những ảnh hưởng đến cơ thể

mà cả tâm thần. Đó là cách mượn các asana (tư thế) trên thân thể để gây ra các tác động trong nội tâm. Nhiều người hành thiền lâu luyện từng công nhận các asana đó rất hiệu nghiệm. Sau một ngày làm việc mệt nhọc hoặc vì một chút ưu phiền nào đó, một người hành thiền lâu luyện đôi khi cũng có thể cảm thấy mệt mỏi, khiến mình không thể hành thiền nghiêm túc được, họ phải luyện tập vài tư thế asana giúp tâm thức mình tìm lại sự thanh thản và tập trung. Mọi sự mệt mỏi sẽ tan biến hết và người này sẽ cảm thấy tươi mát tương tự như vừa mới hành thiền xong.

Ngoài ra cũng có một số các phương pháp đặc thù của người Nhật gọi là "Do", có nghĩa "con đường" (*đọc là "đo", tiếng Hán là "đạo"*), chẳng hạn như ikebana hay nghệ thuật cắm hoa. Cắm hoa vào một chiếc bình là một cử chỉ thật đơn giản và bình dị, thế nhưng sau những năm tháng dài, công việc đó nhất định sẽ tạo ra các tác động ảnh hưởng đến nội tâm người cắm hoa (*tất nhiên người cắm hoa cũng phải chú tâm vào việc cắm hoa của mình: chiêm ngưỡng màu hoa, ngắm nghía sự cân đối của từng cành hoa, nét cong của từng chiếc lá... Sự chăm chú nhằm tạo ra một "tác phẩm" nghệ thuật sẽ nâng cao trình độ tri thức mình*). Chúng ta cũng có thể nêu lên một số các phép tập luyện khác, chẳng hạn như Tai chi ch'uan (Tai chí), v.v. , các cách tập luyện này đều tạo ra các tác động ảnh hưởng đến tâm thần mình. Nói chung đó là các phương pháp gián tiếp có thể giúp nâng cao tri thức. Cũng vậy, mỗi khi thưởng thức các tác phẩm nghệ thuật có giá trị - một bài thơ, một khúc nhạc hay một bức tranh chẳng hạn - thì sự thích thú mang lại có thể nâng cao trình độ tri thức mình. Sự thích thú đó trước một tác phẩm thật sự có giá trị, phản ánh thể dạng tri thức vượt bậc của người nghệ sĩ sẽ [gián tiếp] nâng cao trình độ tri thức mình.

Phương pháp dễ dàng nhất là sự giúp đỡ kẻ khác, đó là cách hy sinh đời mình để ủy lạo kẻ tù tội, giúp đỡ kẻ ốm đau, những kẻ bị ruồng bỏ, các bệnh nhân tâm thần, v.v. Chúng ta làm việc đó với tất cả lòng nhiệt tâm và vui sướng, không nề hà khổ nhọc, thiệt thòi, cũng

không vì một mục đích cá nhân hay ích kỷ nào. Đây là những gì mà Ấn giáo gọi là *nishkama karma yoga*, có nghĩa là luyện tập du-già bằng các hành động bất vụ lợi. Đó cũng là một phương pháp gián tiếp giúp nâng cao trình độ tri thức mình.

Ngoài ra chúng ta cũng có thể kết thân với những người đã chọn cho mình cuộc sống tâm linh (*những người tu hành hoặc các cư sĩ chẳng hạn*), họ là những người có một tâm linh phát triển hơn mình, vấn đề là mình có tìm được những người như thế hay không. Đối với một số tín ngưỡng và một số các vị thầy thì sự kết thân đó là một trong các phương pháp gián tiếp quan trọng hơn cả. Kinh sách của các tôn giáo và các trào lưu tín ngưỡng Ấn-độ luôn khuyến khích tín đồ về sự kết thân này, và gọi đó là *satsangha*. Tiền ngữ *sat* có nghĩa là đúng thật, đích thật, tinh khiết, thiêng liêng và siêu việt; hậu ngữ *sangha* có nghĩa là sự kết hợp hay đồng cảm và cũng có nghĩa là tình bằng hữu. Chữ *satsangha* thật ra cũng chỉ đơn giản có nghĩa là cùng kết hợp với nhau, thường là trong tinh thần hân hoan và bất vụ lợi, để cùng nhau bước theo một con đường tâm linh và hướng vào các giá trị cao cả của con đường đó. Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc tu tập của mình mà không cần phải cố gắng gì cả. Vì vậy *satsangha* cũng là một phương pháp gián tiếp có thể nâng cao tri thức mình, và đó cũng là những gì mà Phật giáo gọi là *kalyana mitrata*, tức là tình bằng hữu trong lãnh vực tâm linh.

Ngoài ra cũng còn có một phương pháp khác nữa, đó là việc tụng niệm các câu mantra và thực thi nghi lễ. Ngày nay người ta thường chê trách việc lễ lạc, nhất là những người [tự xem mình] thông minh [hơn kẻ khác] - có lẽ nên gọi họ là những người "trí thức" thì đúng hơn. Thế nhưng lễ lạc là một phương pháp giúp nâng cao trình độ tri thức và đã từng mang lại hiệu quả. Đôi khi chỉ cần một cử chỉ thật đơn giản, chẳng hạn như đặt một cành hoa hay thắp một ngọn nến trước một ảnh tượng, cũng đủ khiến mình cảm nhận được một sự biến cải thật sâu xa trong tâm thức mình. Tất nhiên chúng ta cũng có thể đọc thật nhiều sách về con đường tâm linh hoặc cũng



có thể thử luyện tập thiền định xem sao (biết đâu cũng có thể thành công), thế nhưng thật ra đôi khi cũng chỉ cần đơn giản thực thi một nghi lễ tượng trưng nhưng hàm chứa thật nhiều Ý nghĩa, cũng có thể mang lại cho mình thật nhiều lợi ích.

Ngoài ra chúng ta cũng có thể nêu thêm rất nhiều phương pháp gián tiếp khác, một số có thể ghép chung với nhau để bổ khuyết cho nhau. Một số khác có thể ghép chung với việc hành thiền tức là các phương pháp "trực tiếp". Dầu sao cũng phải hiểu rằng một số các phương pháp "gián tiếp" đó dù hữu hiệu đến đâu đi nữa thì cũng không đi xa được, không giúp chúng ta đạt được toàn thể các cấp bậc tri thức. Hơn nữa các phương pháp gián tiếp trên đây thường đòi hỏi phải cần đến một thời gian thật lâu dài thì mới có thể nâng tri thức mình lên một cấp bậc cao hơn. Do vậy, dù các phương pháp gián tiếp có thể giúp mình đạt được một trình độ nào đó, thế nhưng đồng thời cũng phải luyện tập thiền định ngày càng chuyên cần hơn, thì mới có thể mang lại cho mình một sự thăng tiến. Vì thế tốt nhất là nên bắt đầu ngay với các phép luyện tập trực tiếp nhằm biến cải tâm thức mình (tức là phải ngồi xuống để hành thiền, các phương pháp khác chỉ là cách chạy vòng ngoài để nhìn vào Giáo Huấn của Đức Phật mà thôi).

**Vậy thì phải làm thế nào?**

**Trực tiếp luyện tập tâm thức mình sẽ gồm có những gì?**

Trên đây tôi chỉ nói đến “thiền định” (meditation) trong bối cảnh tổng quát của thuật ngữ này và nhất là chỉ dựa vào cách hiểu của người Tây phương (trên đây nhà sư Sangharakshita phân tích thiền định qua hai khía cạnh "trực tiếp" và "gián tiếp" thuộc lãnh vực hiểu biết của ngành tâm lý học Tây phương, đồng thời nêu lên các sự lợi ích có thể mang lại bởi các phương pháp gọi là "gián tiếp" có nghĩa là bên ngoài phép thiền định. Nếu nói theo Phật giáo thì đó là các "phương tiện thiện xảo"/upaya giúp chúng ta đến gần với Phật giáo, nhưng không thể đi sâu hơn được. Trong

phần dưới đây nhà sư Sangharakshita sẽ phân tích phép luyện tập thiền định theo quan điểm Phật giáo, nhằm mục đích giúp chúng ta tiếp cận trực tiếp, chính xác, đúng đắn và sâu xa hơn với Giáo Huấn của Đức Phật). Chữ "thiền định" (tức là chữ meditation của người Tây phương) không mang một Ý nghĩa tương đương nào với bất cứ một thuật ngữ nào của Ấn-độ cũng như của Phật giáo. Những gì mà chúng ta [những người Tây phương] gọi là "thiền định" trên thực tế gồm ít nhất ba thứ khác nhau, ba phương cách (phương thức hay phương pháp) khác nhau nhằm trực tiếp biến cải tâm thức mình. Tuy nhiên chúng ta cũng có thể hiểu ba "phương cách" này là ba "giai đoạn" trong một quá trình chung nhằm phát huy tri thức (thiền định gồm có ba giai đoạn thăng tiến, mỗi giai đoạn biểu trưng cho một sự thực hiện nào đó trong khi hành thiền). Phật giáo và các tín ngưỡng khác của Ấn-độ gọi ba giai đoạn của quá trình này bằng ba thuật ngữ đặc thù và chuyên biệt. Thuật ngữ "thiền định" do đó gồm có ba thứ [hoàn toàn khác biệt nhau]: **sự tập trung** (concentration, phát huy sự chú tâm), **thể dạng lắng sâu** [của tâm thức] (absorption, lắng vào các thể dạng thật sâu kín của tâm thức) và **sự quán thấy xuyên thấu** (insight/vue profonde, vue pénétrante/giúp đạt được khả năng quán thấy hay quán xét sâu xa và sắc bén, kinh sách Hán ngữ gọi là "minh sát" hay "quán"/觀).

(Còn tiếp)

## Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Tỷ Kheo

363

Tỷ kheo chế ngự miệng,  
Vừa lời, không công cao,  
Khi trình bày pháp nghĩa,  
Lời lẽ dịu ngọt ngào.

# CUỐI MÙA DỊCH

*BS Minh Ngọc – NYU Winthrop Hospital*

Có vẻ như bạn Coronavirus tạm hưu chiến ở NY, những con số tuột xuống mỗi ngày. Thống đốc Cuomo và các thống đốc Đông Bắc cho phép mở bãi biển trở lại cùng một số hoạt động kinh doanh, dĩ nhiên vẫn theo đúng luật cách 6 feet và mang khẩu trang, rửa tay sát trùng...

Hai tuần nay, các khoa phòng bệnh viện không còn bệnh nhân COVID-19, dọn dẹp tẩy rửa, trở về trật tự cũ: khoa nội soi, cath lab, các khoa Nội Ngoại. Suốt hai tháng chống dịch, toàn bệnh viện biến thành trại COVID-19, trước mỗi khoa, cánh cửa đóng kín có người gác, những ngăn kệ chất đầy các bao đựng đồ bảo hộ của nhân viên đề tên từng người, chiếc bàn dài sắp ngăn nắp những hộp khẩu trang đủ loại, găng tay, áo choàng, kính che mặt, nhân viên ra vào rộn ràng, che trùm kín mít. Bây giờ đi ngang hành lang trống trải, không khí thanh bình quang đãng như chưa từng có mấy tuần xáo động, tự nhiên lòng thấy băng khuâng.

Số bệnh nhân COVID-19 nặng chỉ còn đếm trên đầu ngón tay, đủ nằm trong ICU, không cần mượn thêm khoa khác, bệnh nhẹ đủ nằm trong một khoa. Khu phòng mổ và hậu phẫu trước đây là COVID-19 ICU giờ trống trơn, cả tuần nay không có bệnh nhân COVID-19 nào cần lên bàn mổ, toàn khu dọn dẹp tẩy trùng, sắp đặt lại thiết bị phẫu thuật để tuần sau mở lại mổ chương trình. Theo đúng chỉ thị của Thống đốc, phòng mổ và các khoa chỉ được hoạt động 70-75%, để dành giường và phòng trống chuẩn bị dịch tái phát đợt hai. Các nhân viên tình nguyện đã rời NY từ hai tuần trước.

Còn nhớ, lúc dịch mới phát, nhân viên xôn xao căng thẳng, chỉ biết là con virus có thể gây chết người nhưng chưa biết sẽ phải đối phó ra sao, cứ nhào vô cấp cứu chủ yếu về hô hấp, xin tiểu bang viện trợ máy thở liên tục, may mà đủ dùng. Bệnh nhân mới đầu bị suy hô hấp, đặt máy thở vẫn không cứu được hết – bệnh nhân nào hồi phục cũng mất 3-4 tuần, nhiều bệnh nhân tử vong, ECMO cũng không hiệu quả, khi phổi đã đông cứng thì không sao trở lại bình thường được nữa. Về sau, phát hiện thêm rối loạn đông máu gây suy đa cơ quan, nhiều người có bệnh cảnh DIC (disseminated intravascular coagulation) vốn chỉ thấy trong những trường hợp nhiễm trùng huyết nặng. Nhiều bệnh nhân suy thận, một số suy gan và suy tim. Chữa bệnh này chủ yếu vừa làm vừa rút kinh nghiệm lâm sàng để chữa tiếp, vì như đã nói, Trung Quốc có kinh nghiệm chống dịch 3 tháng nhưng chẳng tiết lộ thông tin gì giúp ích thế giới, giữ kín như bưng, để mặc mọi người loay hoay tự tìm hiểu. Hậu quả là bệnh nhân nhập viện hồi tháng 3 tử vong ào ào vì toàn máy thở chữa triệu chứng. Từ cuối tháng 3, các bác sĩ bắt đầu hình thành kế hoạch cụ thể hơn căn cứ vào những kinh nghiệm bước đầu – không chữa theo phác đồ ARDS nữa mà hỗ trợ hô hấp bằng BiPAP hay CPAP, chỉ đặt nội khí quản khi bệnh nhân thực sự suy hô hấp nặng cần thở máy, cho xét nghiệm chức năng đông máu thường xuyên để phát hiện sớm và chữa kịp thời bằng thuốc kháng đông alteplase (tPA). Các thuốc thử nghiệm hydroxychloroquine, remdesivir, leronlimab được áp dụng, có còn hơn không. Chưa bao giờ thấy FDA duyệt nhanh và nhiều như vậy, phê chuẩn ào ào đủ

loại thuốc và xét nghiệm. Nhiều chương trình nghiên cứu thử luôn thuốc kềm, pepcid, sinh tố D... nói chung nghĩ ra được món gì khả dĩ chống được con virus này là thử hết. Bệnh nhân và gia đình bệnh nhân được đề nghị thử thuốc gì cũng gặt đầu, biết đầu công hiệu thì sao! Rốt cuộc chẳng biết nhờ các biện pháp phòng ngừa, nhờ thay đổi cách điều trị hay nhờ các thứ thuốc chữa bá bệnh mà các bệnh nhân tháng 4 hồi phục nhanh chóng, xuất viện ào ào, tinh thần làm việc của bác sĩ, điều dưỡng phấn chấn hẳn, thừa thắng xông lên. Trên tường bệnh viện xuất hiện tấm bảng đen ghi bằng phấn, mỗi ngày thay đổi con số xuất viện, lên tới trên con số ngàn. Hai trại cấp cứu đã chiến trong sân bệnh viện đã dỡ bỏ bớt một, còn giữ một trại tuy trông nhưng để phòng đợt dịch thứ hai. Đội cấp cứu đường thở đâm ra “thất nghiệp”, nhiều ngày ngồi ngáp ruồi chẳng ai gọi, bèn phân vào phòng mổ. Phòng mổ “sạch” (COVID-19 âm tính) ngày càng bận rộn, làm việc toàn thời gian.

Tuần qua là tuần đầu tiên phòng mổ “sạch” đạt 75% số phòng hoạt động. Các anh chị BS Ngoại khoa và điều dưỡng phòng mổ chính thức không còn làm việc ở Cấp cứu và ICU nữa, trở lại với áo mũ dao kéo, BS Gây mê thôi không còn chạy đi cấp cứu đường thở, trở lại với máy móc thuốc men. Mọi người gặp lại nhau trong phòng mổ, mừng mừng tủi tủi nhưng không ôm nhau được (vì còn phải cách 6 feet), điếm danh ai còn ai mất. Trong phòng mổ robotic, tuy tránh không nhắc tới, nhưng ai nấy đều ngậm ngùi cảm thấy sự thiếu vắng. Ken Whitney, anh phụ tá phẫu thuật robotic còn trẻ, khoẻ mạnh, thường xuyên chơi thể thao và chạy bộ mỗi ngày, lại nhiễm bệnh nặng vì con Corona chỉ sau 1 tuần chống dịch. Anh bị khó thở, đau ngực, nhập viện đặt ống thở không hiệu quả, chuyển sang ECMO 3 tuần

nhưng cứ nặng dần, suy gan thận, trụ mạch. Lúc bệnh viện có huyết tương, đem chữa cho anh đầu tiên nhưng anh vẫn không qua khỏi. Trong bệnh viện, đồng nghiệp đều yêu mến anh vì tính tình vui vẻ, hào hiệp, dễ dãi. Hôm anh mất, nhân viên túm tụm ngồi khóc với nhau. Không có tang lễ, họ hẹn nhau trưa thứ bảy tuần đó đến khu nhà anh điều hành bằng xe.

Một trường hợp kỳ diệu đã cứu bệnh viện khỏi một cái tang nữa, là BS. Shubach. Ngoại lồng ngực. Ông lớn tuổi, nhỏ người, ốm yếu, nhiễm COVID-19 nặng nằm ICU. Tuy bị suy hô hấp, ông từ chối không cho đặt ống thở mà nhất định dùng BiPAP thôi vì kinh nghiệm chống dịch ông thấy bệnh nhân không cải thiện với máy thở. Cuối cùng ông cũng bình phục, xuất viện, đi làm trở lại ngay lập tức mặc dù được cho nghỉ thêm đến khi khoẻ hẳn, nghĩa là tiếp tục trực ICU chống dịch vì Ngoại lồng ngực không được mổ thường quy trong mùa dịch. Buổi sáng hôm đó tôi đi thang bộ lên lầu 4 (lầu mổ) để vào locker thay đồng phục, gặp ông đi trở xuống (ông già gân không thêm đi thang máy!), mừng quá reo lên “Ôi, ông trở lại rồi!”, ông cười hiền không nói chi cả.

Trở lại với hoạt động bình thường trong bệnh viện, là điều vẫn ao ước hàng ngày khi đang vất vả đối phó với bệnh nhân la liệt khắp nơi, vậy mà lại buồn ngủ tiếc nuối! Nhớ không khí căng thẳng, mọi người tất bật làm việc trong trang phục kín mít, những ánh mắt trao đổi thâm lặng qua kính bảo hộ – lo lắng, hy vọng – khi các chỉ số nhảy lên xuống trên màn hình, gương mặt thất thần của bệnh nhân dán mắt vào các nhân viên như cầu cứu. Từ chỗ hoang mang lo sợ những ngày đầu, mọi người trở nên thuần thục, hăng hái, quên cả nguy hiểm độc sức cứu chữa từng sinh mạng, tự nhiên cảm thấy những ngày giờ làm việc của mình có một ý

nghĩa nào đó, không chỉ là một công việc lãnh lương hai tuần một lần. Có những cô điều dưỡng phòng mổ nhỏ nhắn mảnh mai mà xung phong vào đội “proning” (xoay bệnh nhân nằm sấp nhiều lần một ngày vì tư thế này giúp phổi hồi phục nhanh hơn) trực cả thứ bảy chủ nhật, mặc dù hầu hết bệnh nhân nặng đều to béo quá khổ.

Một điều tôi biết chắc, khi dịch tái phát, đội ngũ y tế nay đã dày dặn kinh nghiệm, sẵn sàng đương đầu với con virus ghê gớm, các trang bị bảo hộ tích trữ đủ dùng nhiều tháng, máy thở và thiết bị hô hấp được cung cấp quá số lượng cần dùng nằm trong kho chờ sẵn. Chúng tôi không còn sợ nó.

Xông pha như vậy mà xét nghiệm tôi vẫn âm tính mới hay! Bệnh viện có chương trình thử kháng thể cho toàn bộ nhân viên, ngày mai đi thử coi sao nè!

Tháng 5/2020

## Hư Hư Lục

*Thích Nữ Như Thủy*

### Thuận Nghịch

Cu Bi là con trai một của ông Cả. Ông rất cưng chiều nên suốt ngày nó chỉ biết ăn chơi và khóc nhè.

Một hôm rong bờ ruồi bụi thế nào mà cu Bi lọt phải một bụi tre gai. Bi la khóc âm ỉ, chớ Vá chạy quanh tìm cách cứu bạn như vô ích.

Vá đành chạy về nhà báo cho ông Cả hay.

Được tin, ông Cả tức tối đi ngay đến bụi tre. Nhưng ông cũng đành bó tay vì hễ vừa động đây mấy cành tre là cu Bi ré khóc inh ỏi.

Ông Cả chỉ còn cách xách cà mèn ngày ba bữa đến bụi tre nuôi cu Bi.

Thời mai, hôm ấy có chú Tư ở Saigon về thăm nhà.

Chú liền đi với ông Cả đến thăm cu Bi. Gặp nó chú Tư liền nảy ra một kế. Chú Tư bảo ông Cả về trước, còn chú ở lại để kể chuyện cho cu Bi nghe vì nó rất khoái mục này.

Chuyện rằng: “Có một con ma cà rồng mắt đỏ lưỡi xanh, nanh dài... chuyên môn ăn thịt con nít. Mỗi khi bắt được đứa nào, nó liền bỏ ba hột muối lên đầu đứa bé và nhai rạo rạo.

Chú Tư còn kể thêm: Nghe đâu nó mới xuất hiện và nhai hơn một chục đứa ở xóm trên.

Kể xong, chú Tư bỏ về, mặc cho cu Bi ré khóc inh ỏi.

Vừa được vài bước, chú Tư đã nghe tiếng chân cu Bi rượt theo.

Hai chú cháu cùng về. Chớ Vá mừng vô kể.





## Đàn voi lặn lội đến tiền đưa ân nhân cứu mạng 10 năm trước

*Thanh Tâm (Tổng hợp)*

Ngày mát của nhà bảo tồn động vật Lawrence Anthony, 21 chú voi xuất hiện, đứng thẳng, ngẩng đầu, vươn vòi kêu bi ai đưa tiền ông. Chúng xếp hàng trước căn nhà gỗ trong Khu bảo tồn Thula Thula, ở Zululand, tỉnh KwaZulu-Natal, Nam Phi, phát ra tiếng kêu bi ai giống nghi thức tiễn đồng loại của chúng, để tưởng nhớ ông Lawrence.



*Ông Lawrence Anthony*

Động vật không phải là loài vô tri, chúng cũng có đời sống tình cảm và biết quan tâm thậm chí đau buồn trước sự ra đi của những người mà chúng ấn tượng.

Nhà bảo tồn động vật Lawrence Anthony là một người đặc biệt, một nhân vật khiến cả một đàn voi biết ơn và tưởng nhớ theo cách riêng của chúng.

Ông Lawrence Anthony sinh ra ở Nam Phi, từ nhỏ đã yêu quý động vật. Giữa năm 1990, ông quyết định từ bỏ sự nghiệp bất động sản cả trăm ngàn đô của mình để cùng với vợ mua một mảnh đất và xây dựng Khu bảo tồn sinh thái Thula Thula. Nơi đó họ đặt căn nhà gỗ nhỏ cho mình. Thula Thula có nghĩa là "hòa bình" và "yên tĩnh", là nơi sinh sống của voi, tê giác, trâu, báo, hươu cao cổ và chim.

Vào năm 1999, voi ở Nam Phi thường bị giết hại do chúng phá hại rừng, mùa màng và đe dọa con người.

Sau đó, chúng được thả vào một khu vực đặc biệt, nơi có những hàng rào điện, dĩ nhiên chúng bị thương mỗi lần chạm vào hàng rào đó. Nhưng chúng vẫn trốn thoát. Sau đó Lawrence bắt đầu lại nuôi lại. Ông quyết định sẽ ăn, ngủ cùng chúng, dù vẫn phải duy trì khoảng cách.

Cuối cùng, ông Lawrence đã quyết đón 7 chú voi về nuôi, ăn, ngủ cùng chúng như những thú cưng, dù vẫn phải duy trì khoảng cách. Ông xem chúng như bạn, trò chuyện, ca hát và thổi kèn harmonica cho chúng nghe. Ông nhận ra con voi đầu đàn, chuyên đầu têu phá hoại, là một con voi cái rất nghịch ngợm và khỏe mạnh, tên Nana. Quyết tâm phải loại bỏ sự bất an và tâm lý đề phòng của nó, ông hay kể chuyện cho nó nghe nhiều hơn các con khác.



Lawrence chạm vào vòi Nana

Đối với con voi đầu đàn Nana, ông Lawrence dành nhiều tâm huyết hơn cả. Ông không chỉ chăm sóc cho chúng mà còn kể chuyện cho nó nghe nhiều hơn các con khác. Vào một ngày nọ, Lawrence đang đi xuống hàng rào và muốn xin Nana đừng phá nó. "Tôi biết nó không hiểu tiếng người, nhưng tôi hy vọng nó hiểu được giọng nói, ngôn ngữ cơ thể tôi. Bất chợt Nana đưa cái vòi dài qua hàng rào về phía tôi. Nó muốn tôi chạm vào", Lawrence từng kể.

Và ông đã thành công, những chú voi hung dữ trở nên thân thiện, Nana đã chủ động đến gần Lawrence, vui đùa cùng ông. Khoảnh khắc này, ông đã cảm động rơi nước mắt.

Đến một ngày ông Lawrence quyết định tháo tung hàng rào điện nhưng không một con voi nào đi hết. Kể từ đó, chúng sống yên bình trong Khu bảo tồn Thula Thula.

Thật không may, Lawrence chết vì một cơn đau tim ở tuổi 61, trong khi đang lên kế hoạch cho chiến dịch nâng cao nhận thức về số tê giác trắng đang giảm dần.

Trong đám tang, mọi người ngỡ ngàng khi trông thấy 21 chú voi tại trung tâm bất ngờ xuất hiện, đứng thẳng, ngẩng đầu, xếp hàng trước căn nhà gỗ trong Khu bảo tồn Thula Thula, ở Zululand, Nam Phi, phát ra tiếng kêu bi ai giống nghi thức tiễn đồng loại của chúng, để tưởng nhớ ông Lawrence.

Không ai có thể giải thích tại sao đàn voi ở một nơi xa xôi lại biết những nghi thức của loài người, tại sao một đàn voi lại nhớ ngày giỗ của ông Lawrence. Ảnh: Thulathula.

Không ai có thể giải thích tại sao đàn voi ở một nơi xa xôi lại biết những nghi thức của loài người, tại sao một đàn voi lại nhớ ngày giỗ của ông Lawrence. Ảnh: Thulathula.

Đã 7 năm kể từ ngày ông Lawrence qua đời, cứ vào ngày 4/3 hàng năm, đàn voi lại xuất hiện trước căn nhà gỗ để tưởng nhớ người bạn già đáng kính.



Trong 7 năm, cứ đến ngày 4-3 là đàn Voi trở về

Bà Francoise Malby Anthony, vợ ông Lawrence chia sẻ: "Đã hơn một năm rồi đàn voi không xuất hiện trước căn nhà gỗ của chúng tôi. Để đến được đây, đàn voi phải mất ít nhất là 12 giờ đồng hồ. Đây thật sự là một điều kinh ngạc, cho thấy động vật cũng có tình yêu thương, cũng có linh cảm".

Không ai có thể giải thích tại sao đàn voi ở một nơi xa xôi lại biết những nghi thức của loài người, tại sao một đàn voi lại nhớ ngày giỗ của ông Lawrence.

Nhưng những người làm ở Khu bảo tồn Thula Thula tin rằng giữa đàn voi và ông Lawrence đã có mối dây liên kết tâm linh kì lạ đủ để chúng có thể cảm nhận được việc người bạn thân yêu của chúng đã ra đi.

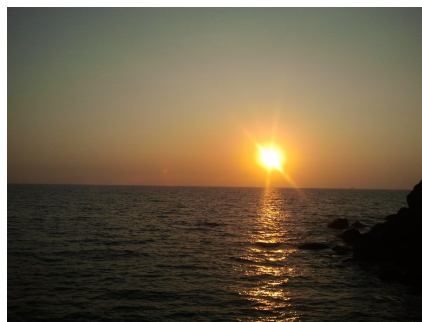
Thanh Tâm (Tổng hợp)



## Nhập định

Phổ Đồng

*Nửa đêm mặt trời mọc  
Nở bừng ngậm hạt sương  
Đá lim dim nhập định  
Hoa quỳnh lay tỏa hương.*



# Hội Phật Học Nam Việt Và Chùa Xá Lợi

*Tổng Hồ Cẩm*

(Có Sự Tham Khảo Qua Tư Liệu Báo Từ Quang Của Hội Phật Học Nam Việt Và Báo Giác Ngộ)

Trong công cuộc phục hưng Phật giáo (PG) tại miền Nam nước Việt Nam, kể từ gần 50 năm trở lại đây, tại thành phố này, Hội Phật học Nam Việt đã góp một phần quan trọng vào việc xây dựng một căn bản vững chắc, cổ động một phong trào tu học hoàng dương chánh pháp, Bi, Trí song nghiêm.

Hội Phật học Nam Việt đã xây cất được ngôi chùa Xá Lợi là một thắng tích cho

thành phố Sài Gòn trước đây và hiện nay đã đóng một vai trò lịch sử trong việc bảo vệ PG năm 1963, cùng với Ủy ban Liên phái Bảo vệ PG chống chế độ độc tài kỳ thị tôn giáo của gia đình trị họ Ngô.

Thời gian trôi qua khiến nhiều việc chìm lặn vào trong quên lãng, chúng tôi cố gắng ghi chép sau đây lịch sử và những hoạt động của Hội Phật học Nam Việt trong gần 50 năm qua, và những nét kiến trúc mỹ thuật của chùa Xá Lợi, để góp một phần nhỏ vào việc biên tập lịch sử PG Việt Nam.



\* \* \*

Hội Phật học Nam Việt được thành lập ngày 19-9-1950 tại Sài Gòn, là đoàn thể nam nữ cư sĩ Phật học ở miền Nam Việt Nam tổ chức có hệ thống rõ ràng, có điều lệ nội quy được chính quyền lúc bấy giờ công nhận về mặt pháp lý để hoạt động và kết hợp bước đầu một số Phật tử cả xuất gia lẫn tại gia nam nữ. Từ lâu về trước, ở miền Nam chỉ có những ngôi chùa riêng rẽ của tư nhân hay làng xã, có vài vị sư trông coi đèn nhang thờ tự, chưa có hệ thống tổ chức chặt chẽ. Năm 1930, nương theo phong trào chấn hưng PG ở Trung Hoa của Thái Hư Đại sư, một số vị cao tăng thạc đức Việt Nam cũng đề xướng phong trào chấn hưng PG Việt Nam, lập Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học ở Sài Gòn, kế đến là Lương Xuyên Phật học Hội ở Trà Vinh, hô hào dịch kinh in sách, đào tạo Tăng tài, thuyết pháp khuyên mọi người tu học, ra tạp chí Từ Bi Âm và Duy Tâm, để phổ biến đạo Phật trong các tầng lớp dân chúng. Nhưng cơ duyên chưa đủ nên hai Hội chỉ hoạt động được vài năm rồi tan rã, dù sao cũng gây được tiếng vang, đặt được nền móng và đào tạo được một số Tăng sĩ làm rường cột cho PG ngày nay.

Đến đầu năm 1951, Hội Phật học Nam Việt mới chính thức hoạt động với mục đích đoàn kết các Phật tử xuất gia và tại gia, dùng mọi phương tiện để truyền bá và thực hành Phật pháp luôn về hai mặt giáo lý và từ thiện ; vị Hội trưởng đầu tiên là Bác sĩ Nguyễn Văn Khỏe, có sự cộng tác đặc lực của các quý vị danh tăng : Quảng Minh, Quảng Liên, Thiện Hòa, Huyền Dung, cùng cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền và một số cư sĩ có kiến thức Phật học và đạo tâm khác. Hội tổ chức nhiều buổi diễn giảng Phật pháp được hàng Phật tử hoan nghênh và ghi tên nhập Hội rất đông. Đến ngày mùng 6 tháng 5 năm 1951, một Đại hội PG toàn quốc được triệu tập tại

Huế để thống nhất PG và thành lập một Hội lớn liên hiệp, gọi là Tổng hội PG Việt Nam gồm có 6 tập đoàn : Giáo hội Tăng già Bắc Việt, Hội Việt Nam PG Bắc Việt (cư sĩ), Giáo hội Tăng già Trung Việt, Hội Việt Nam Phật học Trung Việt (cư sĩ), Giáo hội Tăng già Nam Việt và Hội Phật học Nam Việt (cư sĩ). Thực ra thì ở Nam Việt lúc bấy giờ khởi sự chỉ có một tổ chức Phật giáo là Hội Phật học Nam Việt công khai đại diện cho cả hai phái xuất gia và tại gia, nhưng vì Bắc Việt và Trung Việt đều có hai phái đoàn: một xuất gia và một tại gia, nên các vị Tăng sĩ ở Nam Việt phải tách ra thành lập Giáo hội Tăng già Nam Việt để tham gia Đại hội PG toàn quốc lúc đó, vì vậy Hội Phật học Nam Việt từ đó chỉ gồm có các Phật tử cư sĩ tại gia mà thôi.

Lúc đầu, Hội Phật học Nam Việt đặt trụ sở tạm ở một ngôi chùa mượn ở khu Hòa Hưng tên là chùa Khánh Hưng, sau dời thiết thọ về chùa Phước Hòa, khu Bàn Cờ ở Sài Gòn. Đến năm 1958, Hội xây cất được chùa Xá Lợi để làm trụ sở và nhượng chùa Phước Hòa lại cho Hội Việt Nam PG Bắc Việt (cư sĩ) di cư vào Nam. Hội Phật học Nam Việt đã phát triển đều đều, trước ngày giải phóng đất nước, có hơn 40 Tỉnh hội và Chi hội, riêng hội sở Trung ương ở Sài Gòn có hơn 6.000 hội viên thực hành có ghi tên gia nhập, ngoài ra còn có một số công đức hội viên cùng một số đông cảm tình viên và thí chủ hết lòng tán trợ và ủng hộ, kể cả hơn 10.000 người.

Với chủ trương đạo và đời phải đi song song, phái xuất gia và tại gia đều là con Phật nên phải đoàn kết với nhau, Hội Phật học Nam Việt có cung thỉnh một Ban Chứng minh Đạo sư là chư tôn đức Tăng già tiêu biểu cho tinh thần tu hành và uyên thâm giáo lý của đạo Phật. Trong Hội, thành viên của



Ban này phải được suy tôn trong hàng Hòa thượng (HT), Thượng tọa (TT) lão thành, đạo cao đức cả, giới luật nghiêm trì, tinh thông kinh điển. Nhiệm vụ của Ban Chứng minh Đạo sư là chỉ đạo về tinh thần đạo giáo cho Ban Quản trị và chủ trì các ngày đại lễ. Để làm tròn nhiệm vụ của phái tại gia cư sĩ đối với phái xuất gia, Hội đã lập một Tiểu ban Hộ pháp, cúng dường chư Tăng trong Ban Hoảng pháp, góp phần vật chất giúp chư Tăng chuyên tâm tu hành, đào tạo Tăng tài, dịch sách, in kinh. Các vị xuất gia chủ yếu chuyên trách về phần tinh thần, phát huy đạo pháp, đóng vai trò Như Lai sứ giả.

Với mục đích là tu học và thực hành đạo đức từ bi của đạo Phật, Hội đã tổ chức những buổi diễn giảng giáo lý với những đề tài Phật học phổ thông vào mỗi sáng Chủ nhật sau buổi lễ Phật Tĩnh độ công cộng, hợp với trình độ đại chúng. Đối với hàng trí thức thì Hội có những buổi luận đạo tối thứ Năm, học kinh Pháp Bảo Đàn là bộ kinh quý báu về Thiên tông cùng những bộ kinh Đại thừa như Diệu Pháp Liên Hoa, Địa Tạng, Vô Lượng Thọ, Bát Nhã Tâm Kinh... Mọi giới đều tùy căn cơ mà thọ lãnh và đều được thỏa thích. Ban diễn giảng lúc đầu gồm có quý Thầy Quảng Minh, Quảng Liên, Thiện Hòa, Huyền Dung, Thiện Hoa, sau này có quý đạo hữu Chánh Trí Mai Thọ Truyền, Võ Đình Dần, Nhuận Chương, Tống Hồ Cầm..., mà đạo hữu Chánh Trí là người thường xuyên diễn giảng nhất.

Mỗi sáng Chủ nhật đều có khóa lễ Phật Tĩnh độ công cộng, theo nghi thức tụng niệm tiếng Việt, số người đến dự buổi đầu lên đến ba, bốn trăm, bãi đường tuy rộng rãi mà có khi không đủ chỗ. Hội tổ chức những khóa lễ tụng niệm cầu an, cầu siêu, biên tập và phát hành tạp chí Từ Quang để các Phật tử có phương tiện nghiên cứu đạo Phật. Từ Từ

Quang là tạp chí truyền bá đạo Phật tại Sài Gòn sống lâu nhất tại miền Nam, đến năm 1975 đã bước sang năm thứ 30; lúc sinh tiền, đạo hữu Chánh Trí Mai Thọ Truyền làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút, có sự cộng tác của Ban Biên tập gồm đủ cả Tăng, Ni và cư sĩ. Sau khi đạo hữu Chánh Trí Mai Thọ Truyền mất năm 1973, thì việc chủ biên báo Từ Quang do hai đạo hữu Minh Lạc Vũ Văn Phường và Tống Anh Nghị (Tống Hồ Cầm) chuyên trách, mãi đến 30-4-1975 vì hoàn cảnh khách quan mới ngưng xuất bản.

Hội còn cho thành lập các tiểu ban phụ trách về công tác từ thiện giúp các sản phụ và cô nhi, tại các bệnh viện, phát chẩn giúp đồng bào nghèo khó, trợ giúp nạn nhân chiến tranh hoặc hỏa hoạn, bão lụt; Tiểu ban Tương trợ giúp các hội viên khi hữu sự; Tiểu ban Học bổng giúp các học sinh con em hội viên thiếu kém tài chánh; Tiểu ban Hộ niệm tới tận nhà hội viên quá cố để cầu siêu; Tiểu ban Dục Sư mỗi tháng hai lần tụng kinh Dục Sư cầu cho quốc thái dân an. Năm 1953, Hội còn thành lập một Ban Hướng dẫn con em Phật tử gọi là Gia đình Phật tử (GDPT), lúc đầu lấy tên là Gia đình Chánh Tâm, Chánh Tín, sau đó có sự chinh đôn của đạo hữu Tống Hồ Cầm là Trưởng ban Hướng dẫn T.U, đổi tên chính thức là Gia đình Chánh Đạo, tập hợp những thanh thiếu niên nam nữ vào trong một tổ chức tuổi trẻ chuyên học giáo lý Phật Đà, tu tập lễ bái theo nghi thức tụng niệm riêng bằng chữ Việt, có chương trình sinh hoạt vận động thể lực, thi đua trí khôn, vui chơi ca nhạc. Mỗi Chủ nhật, các em đến chùa lễ Phật, học tập, có các anh chị trưởng giáo hóa rồi cùng nhau vui đùa trong khung cảnh thân thương hòa thuận của anh em đồng đạo. Mục đích của GDPT Chánh Đạo tại T.U cũng như tại các Tỉnh hội, Chi hội Phật học là tạo tình đoàn kết giữa các thanh thiếu niên nam nữ,

khuyến khích các em phát triển trí dục và thể dục, hướng dẫn các em học hỏi và tuân theo chánh pháp để trở nên những Phật tử thuần thành, chân chính và những công dân tốt trong xã hội. Đến năm 1964, theo trào lưu thống nhất PG, GDPT Chánh Đạo và các GDPT khác thuộc hệ thống tổ chức của Hội Phật học Nam Việt sát nhập vào hệ thống tổ chức GDPT trong Tổng vụ Thanh niên của Giáo hội PG Việt Nam Thống nhất.

Hội luôn luôn nhớ tới công ơn của quý vị Tăng già tôn túc trong Ban Chứng minh và Ban Hoằng pháp, nên mỗi năm vào các dịp Tết Nguyên đán, lễ Phật Đản, lễ Vu Lan..., Hội đều cử phái đoàn đi dâng lễ cúng dường chư Tăng tại một số chùa trong thành phố, và mỗi khi quý Thầy có Phật sự như cất chùa, đắp tượng, đúc chuông, in kinh sách, Hội đều quyên góp những số tiền quan trọng.

Để thực hành hạnh Dục Sư và từ bi, Hội có một phòng phát thuốc miễn phí, có bác sĩ hội viên khám bệnh, cho toa, chích thuốc mỗi ngày giúp được gần cả trăm bệnh nhân do Tiêu ban Y tế đã quyên được một số lượng Âu dược quan trọng để cấp phát cho đồng bào đau yếu. Ngoài ra, Hội còn lập một nghĩa trang ở gần Bà Queo, mỗi hội viên vợ chồng con cái khi có tang sự được cấp huyệt mả miễn phí. Hội đã lập được một thư viện gồm có trên 5.000 đầu sách chữ Việt, Pháp, Hoa, Anh, Nhật, có đủ Tam tạng kinh điển, các sách về văn hóa nghệ thuật và về tôn giáo khác, để mọi người có dịp học hỏi và nghiên cứu, hiện nay vẫn còn hoạt động.

Hội luôn luôn giữ tình giao hảo tốt đẹp với các tôn giáo khác, ở trong nước cũng như ở ngoài nước. Đạo hữu Hội trưởng Chánh Trí đã tham dự Hội nghị văn hóa PG tại New Delhi (Ấn Độ) hồi tháng 11 năm 1956, dự

Hội nghị văn hóa Tokyo (Nhật Bản) năm 1958, dự Hội nghị PG Thế giới lần thứ 6 tại Phnom Penh năm 1962 và được bầu làm Phó Chủ tịch, dự Hội nghị PG Thế giới lần thứ 7 tại Bénarès (Ấn Độ) năm 1964 và đã đi Hoa Kỳ với tư cách là danh khách vào năm 1962. Nhờ những cuộc du hành hữu ích của đạo hữu Hội trưởng Chánh Trí mà tên tuổi của Hội Phật học Nam Việt và chùa Xá Lợi được nhiều người trên thế giới biết đến và trọng thị.

Về xây cất thì Hội Phật học Nam Việt đã kiến tạo được ngôi chùa Xá Lợi nguy nga và đẹp đẽ, một công trình kiến trúc mới mẻ và thích hợp với phong trào canh tân PG. Chính ngôi chùa này đã được chọn làm trụ sở cho cuộc tranh đấu của PG đồ vào năm 1963 của Ủy ban Liên phái Bảo vệ PG chống chế độ Ngô Đình Diệm độc tài kỳ thị tôn giáo, và nghiêm nhiên trở thành ngôi chùa lịch sử.

Sau đây là nguyên nhân và lịch sử xây cất chùa Xá Lợi.

Không biết phải vì biết tin âm mộ di tích Phật của tín đồ PG Việt Nam hay không, mà năm 1953, Đại đức (ĐĐ) Narada, tọa chủ chùa Vajirarama ở Sri Lanka sang thăm Việt Nam, phụng thỉnh theo 3 viên xá lợi của đức Phật và 3 cây bồ đề con trồng trong 3 lon sữa bò, định cúng cho 3 nơi : PG Nguyên thủy (Kỳ Viên tự), PG Đại thừa và PG Campuchia (theo lời tuyên bố của ĐĐ lúc đến phi trường Tân Sơn Nhất).

Được ủy nhiệm, đạo hữu Chánh Trí Mai Thọ Truyền cầm đầu một phái đoàn hợp cùng phái đoàn của Ban cung nghinh do PG Nguyên thủy tổ chức, lên tận phi trường nghinh tiếp ĐĐ và các bảo vật. Về đến chùa Kỳ Viên, ĐĐ lặp lại lời tuyên bố ban đầu và

nói thêm là sáng hôm sau, ĐĐ sẽ trao cho đạo hữu Chánh Trí phần xá lợi và cây bồ đề dành cho PG Đại thừa.

Đến năm 1956, Hội Phật học Nam Việt quyết định xây chùa mới tại một vị trí khác, để có nơi xứng đáng phụng thờ di bảo của Đức Thế Tôn và đủ chỗ cho thiện tín đến lễ bái. Một năm rưỡi sau, nghĩa là đến năm 1958, chùa mới hoàn thành. Hội Phật học Nam Việt có kính nhờ HT Khánh Anh, lúc ấy là Pháp chủ của Giáo hội Tăng già Nam Việt, đồng thời là Chứng minh Đại đạo sư của Hội Phật học Nam Việt, đặt tên cho chùa. HT dạy: “Còn đặt tên gì nữa, công chúng đã gọi là chùa Xá Lợi thì lấy tên ấy cho hợp lòng người”.

Thật vậy, trong lúc xây cất, Hội có cho cắm một tấm bảng cổ động tại công trường về việc xây cất chùa thờ xá lợi. Thiện tín sau đó đã gọi tắt là chùa Xá Lợi, rồi thành danh. Trải qua nhiều biến cố, nhất là tai ách tháng 8 năm 1963 của mùa pháp nạn, viên ngọc xá lợi vẫn uy nghiêm tồn tại như muốn nói lên cái bản chất thường tồn bất biến của chân lý, dù dòng đời có trôi chảy, sự vật có vô thường, Pháp Tinh vẫn Như Thị.

Chùa Xá Lợi được xây cất trên một thửa đất thuê của đô thành Sài Gòn, diện tích hơn 2.500 mét vuông, tọa lạc ở góc đường Bà Huyện Thanh Quan và Lê Văn Thạnh (nay là đường Sư Thiện Chiếu). Theo Nghị định số 216-HCSV/P2 ngày 19-1-1956 của Chính phủ tại Nam Việt, Hội Phật học Nam Việt được phép lạc quyền khắp 21 tỉnh có Tỉnh hội và Chi hội thuộc hệ thống tổ chức của Hội Phật học Nam Việt, lấy tiền xây chùa. Nhờ Phật gia hộ và nhờ sự sốt sắng đóng góp của các Phật tử hội viên cũng như của khách thập phương, Hội đã thu được đủ tiền bạc để bắt tay vào việc khởi công đào móng

vào ngày 05-8-1956, công trường được đặt dưới sự đôn đốc của hai kỹ sư Du Ngọc Ánh và Hà Tô Thuận. Một pho tượng Phật bằng xi-măng và thạch cao được Giáo sư Trương Đình Ý đắp rất đẹp, nhưng tiếc thay quá lớn, không thể đem lên chánh điện trên lầu được, nên phải nhường cho một chùa khác và nhờ trường Mỹ nghệ Biên Hòa đắp pho tượng khác bằng bột đá màu hồng, giá lúc bấy giờ là 180.000 đồng, làm khuôn ngày 12-2-1958, tức là ngày 24 tháng Chạp năm Đinh Dậu.

Lễ khánh thành chùa Xá Lợi được cử hành tưng bừng trong 3 ngày 2, 3, 4 tháng 5 năm 1958, tức là 14, 15, 16 tháng 3 năm Mậu Tuất, trong niềm hoan hỷ của mọi người. Những bộ y vàng rực rỡ chen lẫn với áo tràng màu lam hoặc áo dài khăn đóng bên cạnh những bộ Âu phục và những tà áo màu, những tiếng chuông mõ xen lẫn tiếng tụng kinh bằng tiếng Việt, tiếng Hoa, tiếng Pali... đã nói lên sự hòa hợp của mọi giới trong niềm hoan lạc trước thành quả lớn lao của Hội Phật học Nam Việt nói riêng, của Phật giáo Việt Nam nói chung.

Chùa Xá Lợi có một cổng tam quan chính trông ra đường Bà Huyện Thanh Quan, một cổng tam quan phụ trông ra đường Lê Văn Thạnh (nay là đường Sư Thiện Chiếu) và một cổng phụ để xe cộ ra vào. Cổng tam quan chính có một tầng mái, có gắn chữ “Chùa Xá Lợi, Hội Phật học Nam Việt”, còn cổng tam quan phụ xây cất sau thì lớn hơn, có mái trùng thiềm, có những hàng “công sơn” chồng đầu, có đắp bốn chữ triện “Pháp luân thường chuyển”, ở trên mái cổng có gắn hình bánh xe pháp tượng trưng cho giáo lý nhà Phật đưa chúng sinh từ chỗ luân hồi đau khổ đến Niết bàn an lạc. Hai cổng tam quan đều có những cánh cửa bằng sắt hoa uốn theo hình hoa sen, cảnh lá cuộn quanh

một bánh xe pháp.

Chùa Xá Lợi chỉ thờ có một tượng Phật Thích Ca Mâu Ni lớn, chứ không thờ nhiều Phật như các chùa xưa. Theo quan niệm của Hội Phật học Nam Việt thì khi lễ Phật cần phải nhất tâm hướng về Phật, chí tâm chí thành trụ vào một nơi, đó là Đức Phật với 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, nét mặt từ bi, dáng ngồi ngay thẳng, lộ vẻ nghiêm trang đại hùng đại lực; các Phật tử lễ Phật, niệm Phật phải đặt hết tâm trí vào một chỗ thì mới phát huy được cái diệu dụng của tâm, có thành tâm mới có cảm ứng. Thờ một tượng Phật thì dễ được nhất tâm bất loạn. Theo thiền ý, đây là một quan niệm rất hay, giúp chúng ta dễ dàng định tâm, không lao chao vọng động, tâm được tịnh thì trí tuệ mới phát sinh, có chánh kiến để biết đường phải mà theo, đường trái mà tránh, tu tâm sửa tánh là nhờ ở trí tuệ sáng suốt, đưa đến giác ngộ và giải thoát.

Tượng Phật ở chùa Xá Lợi là tượng Đức Thích Ca Mâu Ni ngồi kiết già trên tòa sen, mắt hé mở, miệng hơi mỉm cười, nét mặt hoan hỷ mà oai nghiêm, vừa từ bi vừa hùng lực, dáng ngồi ngay thẳng, thân hình khỏe mạnh như hiện thân của Chân-Thiện-Mỹ, biểu tượng của Pháp thân bất diệt. Pho tượng Phật ở chùa Xá Lợi là một kiệt tác mỹ thuật, làm khuôn mẫu cho nhiều tượng Phật các chùa sau này.

Tường bao quanh bái đường được trang trí bên trên bằng những bức tranh mô tả đời sống Đức Phật Thích Ca từ khi Đản sanh, Xuất gia, Thành đạo, Thuyết pháp đến lúc nhập Niết bàn, do Giáo sư Nguyễn Văn Long thực hiện, tranh vẽ rất linh động trông như phù điêu đắp nổi.

Sau chánh điện là nơi thờ Tổ, bàn chính giữa

thờ di ảnh của 4 vị cao tăng: Huệ Quang, Tuyên Linh Lê Khánh Hòa, Khánh Anh và Quảng Đức. HT Huệ Quang là Phó Hội chủ Tổng hội PG Việt Nam, Chứng minh Đại đạo sư Hội Phật học Nam Việt, đã góp phần rất lớn trong việc xây dựng và phục hưng PG Việt Nam. Năm 1956, ngài đi dự Hội nghị PG Liên hữu Thế giới nhóm họp ở Nepal và đã viên tịch ở Ấn Độ. HT Tuyên Linh Lê Khánh Hòa là một trong những vị sáng lập Lương Xuyên Phật học Hội, đề xướng phong trào tu học Phật pháp, xương minh giáo lý Phật Đà. HT Khánh Anh là Pháp chủ Giáo hội Tăng già Nam Việt, có công lớn trong việc đào tạo Tăng tài, in kinh dịch sách, đề truyền bá đạo Phật tại miền Nam. HT Quảng Đức là người đầu tiên đã vị pháp thiêu thân ngày 20 tháng 4 nhuận âm lịch năm Quý Mão, tức là 11-6-1963 tại Sài Gòn, nguyện hiến nhục thể thành ngọn đuốc soi đường cho nhà cầm quyền độc tài gia đình trị họ Ngô thời bấy giờ hãy tỉnh ngộ, sáng suốt tránh việc chia rẽ tôn giáo, đàn áp PG. HT có lúc là trụ trì chùa Phước Hòa, trụ sở trước kia của Hội Phật học Nam Việt. Bốn vị cao tăng này được Hội suy tôn là Tổ sư, mỗi năm đều làm lễ giỗ kỷ niệm long trọng. Gần đây có thờ thêm di ảnh của HT Thích Thiện Hào là viện chủ, do Ban Quản trị cung thỉnh về trụ xứ cùng Tăng chúng chùa Xá Lợi.

Tháp chuông xây ngay gần hàng rào cạnh cổng tam quan chính cách xa chánh điện, làm trang trí cho ngôi chùa. Tháp chuông được khánh thành ngày 23-12-1961, có 7 tầng, mỗi tầng thờ một vị Phật, có 4 mặt phẳng lớn và 4 mặt góc nhỏ, tạo thành một hình bát giác, có mái che cong cong bước lên hình đầu đao, đó là nét kiến trúc đặc biệt của mỹ thuật PG Việt Nam. Các dãy nhà của chùa kiến trúc theo chiều ngang rộng, cho ta



cảm giác vững vàng yên ổn trong một khung cảnh yên tĩnh thư thái, thì cây tháp lại vọt cao để điều hòa bằng luật tương phản, cây tháp cũng tự điều hòa chiều cao của mình bằng nhiều tầng mái ; hình dáng cao vọt của tháp vượt khỏi vòm cây lên nền trời xanh tiêu biểu cho một mục đích cao xa, một ý chí vươn lên, một tư tưởng siêu trần, một chủ nghĩa thoát tục.

Chánh điện có nhiều cửa sổ cho thoáng khí, mỗi cửa sổ được gắn những kiếng màu xếp đặt thành màu cờ PG.

Ở tầng trệt, từ cổng tam quan chính đi thẳng vào là giảng đường, ngay đằng trước có treo một bức hoành phi cô, trên viết bốn chữ Nho “Đông thù pháp vũ”, là thủ bút của Từ Hy Thái hậu. Bức hoành phi cô này vừa được thay thế bằng một tấm bảng có ghi chữ “Giảng đường Chánh Trí”, đề tưởng niệm công đức của cụ Chánh Trí, cố Hội trưởng khai sáng Hội Phật học Nam Việt, đã suốt 21 năm nhất tâm hướng dẫn hàng hội hữu trên đường tu học; cụ quy tịch ngày Rằm tháng Ba năm Quý Sửu (17-4-1973). Ban Quản trị Trung ương Hội Phật học Nam Việt đã quyết định đặt tên giảng đường chùa Xá Lợi là Giảng đường Chánh Trí. Ngày 01-7-1973, lễ khai môn được cử hành hết sức trang nghiêm do ĐĐ Narada và quý Tăng chúng trong Ban Trụ trì chùa Xá Lợi.

Giảng đường rộng rãi, chứa được 400 chỗ ngồi ; trước đây vào mỗi sáng Chủ nhật, sau khóa lễ Tịnh độ đều có buổi thuyết pháp thường xuyên do cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền phụ trách. Giảng đường này đã hân hạnh đón tiếp nhiều giảng sư quốc tế nổi danh như Quốc sư Diên Bồi, ĐĐ Narada, Giáo sư Khantipalo... cũng như những giảng sư có biệt tài trong nước thuộc Ban Hoằng

pháp Giáo hội Tăng già Nam Việt và Phật học đường Ấn Quang. Nhiều bộ kinh Phật quý báu đã được giảng giải rành rẽ, sự lý viên dung, nhiều mật nghĩa được làm cho sáng tỏ và dễ hiểu, hợp với trình độ hiểu biết cao siêu của hàng Phật tử trí thức. Có thể nói, giảng đường là trọng tâm hoạt động của Hội Phật học Nam Việt, là trái tim của chùa Xá Lợi, là nơi truyền bá chánh pháp của Như Lai. Mục đích của Hội Phật học Nam Việt là tu và học, từ bi và trí tuệ đi đôi, phước huệ song nghiêm, nên vị trí của giảng đường được đặt vào chỗ quan trọng, ngay thẳng công vào.

Về mặt kiến trúc, thì chùa Xá Lợi là một kiến trúc theo lối mới, dùng những vật liệu nặng như bê-tông, sắt, đá, gạch, ngói..., những nhà kiến trúc khéo léo đã cố gắng tô điểm bằng những mái cong đầu đao, những “công son” chông đầu, những bánh xe pháp... khiến chùa vẫn còn vẻ thuần túy Á Đông, những đề tài trang trí là những hình hoa sen có dây leo lá cuộn uốn éo vòng đi vòng lại có vẻ sinh động, đẹp đẽ và mềm mại.

Thời thế mới nên chùa cũng phải đổi mới, ở trung tâm thành phố nhộn nhịp, địa thế lại nhỏ bé, không có sông núi làm điểm tựa, không thể tạo một cảnh chùa u nhàn thanh tịnh được, nên Hội Phật học Nam Việt trước đây đã đành chấp nhận một ngôi chùa kiểu mới để có chỗ lễ bái, tụng kinh, nghe pháp, tiện bề quy hướng, thỉnh đạo cho mọi người sinh sống ở thị thành. Giữa chốn phồn hoa đô hội mà giữ được lòng không dao động thì mới là quý, tâm tịnh thì thế giới tịnh.

Chúng tôi xin nói thêm về vai trò của Hội Phật học Nam Việt đã đóng góp vào thống nhất PG và cuộc đấu tranh lịch sử của PG chống Chính phủ độc tài Ngô Đình Diệm để

bảo vệ chánh pháp năm 1963.

Như trên đã nói, ngày mùng 6 tháng 5 năm 1951, một Đại hội PG toàn quốc được triệu tập tại Huế để thống nhất PG và lập thành một Hội gọi là Tổng hội PG Việt Nam, gồm có 6 tập đoàn do HT Thích Tịnh Khiết làm Hội chủ, nhưng điều lệ của Hội này không được Chính phủ lúc bấy giờ chấp nhận, Ban Quản trị Trung ương lâm thời phải kéo dài nhiệm kỳ từ 1951 đến 1956 để giải quyết mọi trở ngại khó khăn và nắm giữ cái tinh thần thống nhất. Trong Ban Quản trị nhiệm kỳ đầu tiên này, đại diện Hội Phật học Nam Việt là đạo hữu Phạm Văn Vi giữ chức Ủy viên Cứu tế xã hội và đạo hữu Nguyễn Hữu Huỳnh giữ chức Ủy viên dự khuyết.

Đến năm 1956, khi bản điều lệ đã được chính quyền duyệt y, một Đại hội thống nhất kỳ II đã được triệu tập tại chùa Ấn Quang (Sài Gòn) vào ngày 1-4-1956 để bầu Ban Quản trị Trung ương chính thức, trong đó đạo hữu Chánh Trí Mai Thọ Truyền giữ chức Tổng Thư ký; đạo hữu Tống Hồ Cầm, vốn là Phó Tổng Thư ký trong Ban Quản trị lâm thời Trung ương từ năm 1951, nay tiếp tục và chính thức giữ chức Phó Tổng Thư ký; đạo hữu Võ Đình Dân giữ chức Kiểm lý Ngân sách; đạo hữu Lê Văn Cầm giữ chức Ủy viên Từ thiện, và đạo hữu Cao Văn Trí giữ chức Kiểm soát.

Đến năm 1959, một Đại hội thống nhất kỳ III được tổ chức long trọng tại chùa Xá Lợi từ ngày 4 đến ngày 8-9-1959. Chúng tôi xin ghi dưới đây lời HT Hội chủ Tổng hội PG Việt Nam Thích Tịnh Khiết tuyên bố trong kỳ Đại hội này: “Tổng hội PG Việt Nam thành lập tới nay đã vừa 9 năm, nhưng ở trong hoàn cảnh khó khăn và lại thiếu sự thuận tiện, những cố gắng và hoạt động chưa đem lại hiệu quả nào đáng kể. Giờ đây, tôi

hy vọng quý vị trong Ban Quản trị Trung ương cũng như các tập đoàn và Phật tử toàn quốc hãy cùng nhau đoàn kết, tận lực phụng sự chánh pháp, đem lại sự huy hoàng cho PG và dân tộc”.

Như vậy thì thấy sự thống nhất PG chỉ mới có trên hình thức và giấy tờ, các tập đoàn PG vẫn hoạt động riêng rẽ tại ba miền. Để tiến tới sự thống nhất thật sự, một Đại hội kỳ III cần được tổ chức để quy tụ 6 tập đoàn trong một tổ chức duy nhất là Tổng hội PG Việt Nam (Confédération). Hội nghị chấp nhận ý kiến tăng cường Ban Quản trị Trung ương bằng những phương pháp sau đây:

- 1)- Tuyển trạch những vị có khả năng, đức độ, thành tâm thiện chí với công cuộc phục vụ đạo pháp và sự thống nhất, để sung cử vào Ban Quản trị Trung ương Tổng hội PG Việt Nam.
- 2)- Ủng hộ Ban Quản trị Trung ương trên mọi phương diện tinh thần, vật chất...
- 3)- Các tập đoàn phải cam kết triệt để tuân hành theo thông tư và chỉ thị của Ban Quản trị Trung ương, để Ban này có đầy đủ uy tín và phương tiện thi hành Phật sự.

Mấy điểm trên đây là nghị quyết lịch sử đối với nền thống nhất PG. Các tập kỷ yếu qua các kỳ Đại hội của Tổng hội PG Việt Nam hiện còn lưu trữ tại thư viện chùa Phật học Xá Lợi.

Trong Ban Quản trị Trung ương nhiệm kỳ mới này (1959-1962), Ban Thường vụ gồm những ban viên đều ở Sài Gòn và HT Hội chủ cũng vào ở Sài Gòn một thời gian lâu dài để tránh sự chậm trễ trong các Phật sự do thư từ đi lại lâu lắc giữa các ban viên ở xa nhau, mà các nhiệm kỳ trước của Ban Quản

trị đã mắc phải. Hội Phật học Nam Việt đã can đảm nhận lãnh những chức vụ quan trọng trong Ban Quản trị Trung ương nhiệm kỳ này: đạo hữu Chánh Trí Mai Thọ Truyền giữ chức Phó Hội chủ; đạo hữu Võ Đình Dân, Tổng Thư ký; đạo hữu Tống Hồ Cầm, Phó Tổng Thư ký I; đạo hữu Lê Ngọc Diệp, Phó Tổng Thư ký II; đạo hữu Nguyễn Văn Hoanh, Chương quỹ. Với thành phần Ban Quản trị Trung ương gồm các bậc Tăng già và cư sĩ hữu học, thành tâm thiện chí, Tổng hội PG Việt Nam đã tiến mạnh trên đường thống nhất hiệu quả hơn. Phái đoàn tham dự Hội nghị PG Thế giới kỳ 6 tại Phnom Penh năm 1962 đã được sự kính nể của các phái đoàn khác, và đạo hữu Chánh Trí Mai Thọ Truyền đã được bầu làm Phó Chủ tịch; khi tranh đấu chống phim Sakya đã xuyên tạc lịch sử Đức Phật, tiếng nói của Ủy ban Liên phái cũng được nhà cầm quyền nghe theo. Nghi thức tụng niệm, y phục, tổ chức, giáo dục, hoằng pháp... đều hướng về ý niệm thống nhất, đặc biệt là lễ Phật Đản ở nước ta được cử hành vào ngày Rằm tháng Tư âm lịch (ngày trăng tròn) thay vì mừng Tám tháng Tư như lệ cũ trước đây.

Một biến cố quan trọng có thể nói là một tai ách đã xảy ra trong năm 1963 để thử thách, để trắc nghiệm sự thống nhất của PG Việt Nam. Trong dịp lễ Phật Đản năm 1963 (Rằm tháng Tư năm Quý Mão), Chính phủ Ngô Đình Diệm ra lệnh cấm treo cờ PG tại các tư gia và có nhiều hành động chia rẽ và kỳ thị PG, mọi người đều cảm phẫn và cơn bão tố chờ dịp bùng nổ. Tại Huế là nơi căn cứ của PG, một cuộc diễn hành của Phật tử bị nhà cầm quyền giải tán, vài tiếng súng nổ, vài người ngã gục, thế là phong trào nổi lên với mục đích bảo vệ đạo pháp, đòi nhà cầm quyền phải tôn trọng tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo, dân chúng được treo cờ PG trước tư gia trong những ngày đại lễ và

Chính phủ phải bồi thường cho các nạn nhân bị bắn chết hay bị đánh đập mang thương tích. Trước sự làm ngơ của chính quyền, các vị lãnh đạo PG hội họp các đoàn thể PG toàn quốc và lập Ủy ban Liên phái Bảo vệ PG... đặt trụ sở tại chùa Xá Lợi với sự đồng ý của Hội Phật học Nam Việt.

Tạm thời, khuôn mặt tu hành thanh tịnh của ngôi chùa lớn nhất Sài Gòn lúc bấy giờ bị che khuất bởi những biểu ngữ chống đối nhà cầm quyền, tiếng tụng kinh xen lẫn tiếng máy phóng thanh kêu gọi Tăng Ni Phật tử đoàn kết vì đạo pháp giành thắng lợi, và nói chuyện giải thích rõ về thời sự. Các giới đồng bào kéo đến rất đông, lễ bái tụng niệm thì ít, ủng hộ tranh đấu thì nhiều, không sợ hãi sự đe dọa của chính quyền độc tài gian ác, chư Tăng ở khắp nơi trong nước đều kéo về tụ tập ở chùa Xá Lợi để tuân theo chỉ thị của Ủy ban Liên phái. Đây là lần đầu tiên ở Việt Nam có cuộc liên kết PG đồ, không phân biệt Bắc tông hay Nam tông, không phân biệt Tăng già hay cư sĩ, không phân biệt Việt Nam, người Hoa hay Khơmer, không phân biệt nam nữ già trẻ, tất cả đều đồng một lòng đoàn kết ủng hộ Ủy ban Liên phái Bảo vệ PG. Hàng ngày, chùa Xá Lợi đều tập nập, đông đảo, tiếng chuông mõ xen lẫn tiếng góp ý, góp sức vì chính đạo và chính nghĩa, tạo ra khung cảnh quyết liệt, thành khẩn; y vàng, y nâu, y lam của Tăng Ni sát cánh bên những phục sức quần áo đủ màu của nam nữ Phật tử.

Trước những đòi hỏi căn bản và những nguyện vọng chân chính của PG, chính quyền cứ làm ngơ và tìm cách chia rẽ PG, bắt bớ giam cầm nhiều người, tình hình mỗi ngày một căng thẳng. Ngày 11-6-1963, HT Quảng Đức tự thiêu tại ngã tư Lê Văn Duyệt -Phan Đình Phùng, nguyện lấy thân làm đuốc soi sáng chính quyền, dùng lửa từ bi để

đốt sạch mọi chương ngại si mê, mong chính quyền chấp thuận những nguyện vọng chính đáng của Phật giáo. Nhục thể của HT được rước về chùa Xá Lợi để làm lễ cầu siêu trong một tuần rồi mới di chuyển xuống An dưỡng địa tại Phú Lâm để hỏa táng. Tất cả những xương thịt của Ngài đều thành tro bụi, riêng trái tim còn nguyên vẹn, được rước về chùa Xá Lợi ngâm vào formol và bày lên bàn thờ cho dân chúng đến chiêm bái, mọi người cung kính đến quỳ lạy và cho là chuyện lạ.

Toàn dân đều cảm động trước sự hy sinh cao cả của HT Quảng Đức, nhưng Chính phủ Ngô Đình Diệm không chịu nghe theo lẽ phải mà còn phản ứng mạnh mẽ bằng cách chiếm đóng tất cả các chùa có tham gia phong trào bảo vệ PG, giam cầm một số lớn Tăng Ni và Phật tử vào đêm 20-8-1963.

Vì thế, chùa Xá Lợi dĩ nhiên được đánh phá tận tình, nhà cầm quyền bắt giữ tất cả mọi người có mặt trong chùa: HT Hội chủ, chư vị TT, ĐĐ, các Tăng Ni và Phật tử; đạo hữu Chánh Trí Mai Thọ Truyền, Hội trưởng Hội Phật học Nam Việt, cũng bị bắt và bị giam giữ cùng một lúc với các vị lãnh đạo Ủy ban Liên phái Bảo vệ PG, và sau đó các ban viên tích cực khác của Ban Quản trị: đạo hữu Huệ Đức Lê Ngọc Diệp, Tổng Thư ký; đạo hữu Tống Hồ Cẩm, Ủy viên Kiểm soát của Hội cũng bị bắt vài ngày sau đó. Chùa Xá Lợi bị phong tỏa không cho ai ra vào, chuông mõ im lìm, đèn nhang lạnh lẽo, một bức màn sẫm thâm phủ lên cả thành phố Sài Gòn, bao trùm mọi giới đồng bào. Sức mạnh của vũ khí không chinh phục được tâm lòng sắt son vì đạo của đồng bào, cho nên cuộc chống đối lại tiếp tục, học sinh và sinh viên bãi khóa liên miên, 6 vị Tăng Ni lần lượt tự thiêu, nhiều Phật tử hy sinh mạng sống vì tự do cho đạo pháp, kéo theo đình công, bãi thị, bãi khóa, biểu tình... khắp nơi đều chấn

động, tức nước vỡ bờ, việc gì phải đến đã đến.

Ngày 1-11-1963, Ngô Đình Diệm bị giết. Con ác mộng đang đè nặng trĩu tâm hồn người con Phật suốt trong thời gian qua bị phá tan. Chư Tăng Ni và Phật tử được tự do, chùa chiền được giải tỏa, mọi người lại đổ xô về chùa Xá Lợi đề vấn an chư vị lãnh đạo Ủy ban Liên phái và mừng cho đạo pháp đã qua cơn thử thách. Đạo hữu Chánh Trí Mai Thọ Truyền bị bắt giam cùng lúc với chư Tăng, nay lại được tự do cùng một ngày, đồng lao cộng khổ, thật xứng đáng đại diện cho giới cư sĩ bên cạnh giới xuất gia.

Sau đó, chùa Xá Lợi lại được chọn làm nơi hội họp của các phái đoàn đại diện PG toàn miền Nam vào đầu năm 1964, soạn thảo Hiến chương và thành lập Giáo hội PG Việt Nam Thống nhất. Đạo hữu Chánh Trí Mai Thọ Truyền được hân hạnh đắc cử chức Chủ tịch Ủy ban Soạn thảo Hiến chương và được bầu làm Phó Viện trưởng Viện Hóa đạo. Khi mọi việc đã hoàn tất, trụ sở Giáo hội được chuyển về chùa Ấn Quang, trả lại cho chùa Xá Lợi về mặt thanh tịnh tu hành và sinh hoạt bình thường như thuở ban đầu.

Bánh xe lịch sử quay đều, một trang sử đã được lật qua, mọi thành công hay thất bại đã chìm vào quên lãng, nhưng chùa Xá Lợi vẫn uy nghi tồn tại. Hội Phật học Nam Việt vẫn từ tốn khép mình vào nền tu học thuần túy, mặc ai tranh bá đồ vương, mưu cầu danh lợi. Những cây tùng bút vẫn xanh tươi, những khóm trúc vàng vẫn đẹp đẽ, một số tín hữu vẫn lui tới lễ Phật, tụng kinh, nghe pháp, tượng Phật mới được thếp vàng làm tăng phần oai nghiêm hùng lực, ngọn bảo tháp vẫn đứng cao chót vót như thi gan cùng tuế nguyệt và tiếng chuông đại hùng trên đỉnh tháp vẫn ngân nga theo gió sớm sương chiều,



đưa hồn người lằng lằng thoát tục.

Chùa Xá Lợi, một kiến trúc dung hòa mới cũ, tiêu biểu cho nền mỹ thuật PG chuyển mình cho kịp thời thế đổi thay, đã trở thành bất diệt với câu thơ xưa, nay xin phỏng lại:

*Gió đưa cành trúc la đà  
Tiếng chuông Xá Lợi, canh gà Thủ Thiêm*

Mãi đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước hoàn toàn thống nhất, PG ba miền Bắc, Trung, Nam mới thực hiện được ước mơ thống nhất trọn vẹn. Hưởng ứng sự kêu gọi của Ban Vận động Thống nhất PG cả nước, do các bậc cao tăng và cư sĩ tiêu biểu nhất, Hội Phật học Nam Việt là tổ chức PG của hàng cư sĩ Phật học tại miền Nam, là một trong 9 tập đoàn tiêu biểu chính thức gia nhập Giáo hội PG Việt Nam ngày nay.

Giáo hội PG Việt Nam trong nước Việt Nam độc lập, tự do và hoàn toàn thống nhất, cho

nên kể từ ngày 29-12-1981 là tổ chức PG duy nhất đại diện cho PG Việt Nam về mọi mặt quan hệ ở trong nước và nước ngoài, có Hiến chương riêng và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ban Quản trị nhất tâm cung thỉnh HT Thích Thiện Hào về trụ xứ tại chùa Phật học Xá Lợi với chức vụ viện chủ, cùng hội hữu đồng đảo gắn bó với tinh thần tu học và thực hiện Phật sự liên tục của chùa Hội. Các cư sĩ Tổng Hồ Cầm, Tăng Quang, Trần Văn Phát cũng như các đạo hữu kỳ cựu và lớp hậu tấn mới trưởng thành đều nhất tâm chung lo bảo quản cơ sở đạo tràng này ngày thêm tốt hơn. HT trụ trì Thích Hiền Tu và Tăng chúng vẫn thủy chung bảo trì nếp sống thanh quy tại chùa, góp phần trang nghiêm cho ngôi phạm vũ mà chư tôn giáo phẩm hằng ân cần vãng lai hoằng hóa, phổ độ thiện nam tín nữ quy tập về đây.



## PHẬT GIÁO ĐỒ ÁN ĐỘ BÀY TỎ SỰ LO NGẠI VỀ VIỆC SỬ DỤNG BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG LÀM NƠI KIỂM DỊCH VIRUS CORONA



Những người theo đạo Phật ở Bồ đề Đạo tràng (Bodhi Gaya), Ấn Độ, đã lên tiếng việc lo ngại về việc cung cấp chỗ ở tạm thời cho người Ấn Độ đang đáp máy bay, đến từ các khu vực trên thế giới bị đại dịch Virus corona tấn công. Hội đồng Phật giáo Quốc tế (The International Buddhist Council), cơ quan đại diện cho hơn 50 cơ sở tự viện Phật giáo tại Bồ đề Đạo tràng và khu vực lân cận, đã đưa ra một tuyên bố yêu cầu đề xuất các địa điểm kiểm dịch, trong đó bao gồm các cơ sở tự viện Phật giáo, không được sử dụng và người Ấn Độ trở về từ nước ngoài.

Trong một bức thư gửi Thủ hiến bang Bihar

Nitish Kumar, nơi Bồ đề Đạo tràng ở vị trí Thượng tọa Tổng Thư ký Hội đồng Phật giáo Quốc tế Bhikkhu Pragya Deep, đã trích dẫn mối nguy hiểm đến sức khỏe và có thể xảy ra đối với người dân khu vực Bồ đề Đạo tràng, cũng như sự cách ly đối với du khách thập phương hành hương do sự hiện diện của người da đỏ hồi hương.

Thượng tọa Tổng Thư ký Hội đồng Phật giáo Quốc tế Bhikkhu Pragya Deep đã nhấn mạnh rằng: “Các cơ sở tự viện Phật giáo có thể không được trang bị kỹ để xử lý các trường hợp lây nhiễm Covid-19, cũng như không duy trì mức độ nghiêm ngặt

của các điều kiện sức khỏe cộng đồng. Sự thanh tịnh và tôn nghiêm của các cơ sở tự viện Phật giáo sẽ bị ô nhiễm nếu nó sử dụng làm một trung tâm kiểm dịch Covid-19”. (Times of India)

Hiện có khoảng 54 khách sạn, nhà nghỉ và 56 cơ sở tự viện Phật giáo sẽ được sử dụng làm trung tâm kiểm dịch Covid-19 cho người Ấn Độ từ nước ngoài trở về. Trong quá trình này, ước tính 8.000 cá nhân từ Bồ đề Đạo tràng và khu vực xung quanh, cùng với du khách thập phương hành hương sẽ được sơ tán theo Sứ mệnh của Hội giáo Vande Bharat, Chính phủ Ấn Độ, nơi đang tìm cách cho người Ấn Độ khắp nơi trên thế giới hồi hương, họ đã bị mắc kẹt do gián đoạn du lịch gây ra bởi đại dịch Covid-19. Có khoảng 4.170 phòng đã được dành riêng để dành cho những người Ấn Độ hồi hương từ nước ngoài, họ bị bắt buộc trong thời gian cách ly 14 ngày.

Ngoài việc yêu cầu người Ấn Độ trở về từ nước ngoài phải được kiểm dịch tại tư gia, Thượng tọa Tổng Thư ký Hội đồng Phật giáo Quốc tế Bhikkhu Pragma Deep đưa ra lời cảnh báo nghiêm khắc rằng: “Nếu không nghe thấy những yêu cầu khiêm tốn của chúng tôi, tất cả chư tôn đức tăng già Phật giáo quốc tế sẽ ra mặt để phản đối ôn hòa trước Thánh địa Phật giáo Mahabodhi”. (The Times of India)

Nhóm đầu tiên gồm khoảng 41 người Ấn Độ, bị mắc kẹt tại Vương quốc Anh, đã hồi hương vào tối hôm thứ Hai, ngày 18/5 vừa qua. Ông Abhishek Singh, Thẩm phán quận Gaya cho biết: “Việc về quê hương theo kế hoạch của người Ấn Độ từ nước ngoài sẽ được sắp xếp xen kẽ trong vài tuần

để có thời gian cho các mối quan tâm hậu cần và để đảm bảo không gian cho những người hồi hương. Trung tâm cách ly rất giới hạn dành cho những người hồi hương sẽ không tập trung trong một lần, bởi không có đủ chỗ cho người cách ly tập trung trong một lần với số lượng quá đông”. (The Times of India)

Những người gốc bang Bihar hồi hương được gửi đến các trung tâm kiểm dịch Covid-19 tại Bồ đề Đạo tràng, trong khi một số người từ Jharkhand, một bang ở miền Đông Ấn Độ lân cận đã được đưa đến thành phố Ranchi, bang Jharkhand. Các chuyến bay tiếp theo dự kiến đến Sân bay Bodh Gaya vào các ngày 24, 25 và 26 tháng 5 và các ngày 1, 2 tháng 6, rước người công dân Ấn Độ từ các quốc gia, bao gồm Kazakhstan, Oman, Qatar và Nga.

Bồ đề Đạo tràng (Bodh Gaya), Thánh địa Phật giáo, Di sản Thế giới, điểm đến du lịch và hành hương quốc tế cho các Phật tử khắp nơi trên thế giới. Thành phố này người dân rất nghèo và được bao quanh bởi một dân cư nông thôn với các cơ sở vệ sinh và chăm sóc sức khỏe hạn chế. Bản chất chung của các cơ sở tự viện Phật giáo khiến việc tự cách ly trở nên khó khăn, làm tăng thêm sự lo ngại cho các vị tăng sĩ thường trú trong thành phố, nhiều người trong số họ đang ở độ tuổi phát triển.

Trên toàn cầu, đại dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng đến 4,9 triệu người nhiễm bệnh và cướp đi 320.430 sinh mạng, phần lớn trong số họ ở Châu Âu và Hoa Kỳ. Theo truyền thông, Ấn Độ đã có 101.261 trường hợp nhiễm Virus corona và 3.164 ca tử vong.

(Nguồn: 佛門網 Thích Vân Phong)



## VỀ bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập  
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

**Phật Học Inc**  
**P.O. Box 221483**  
**Louisville, KY 40252**

TO:

BULK RATE  
U.S. POSTAGE PAID  
LOUISVILLE, KY  
PERMIT NO. 368